



BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG TUẦN

10/11/2025 – 14/11/2025

Khối Nghiên cứu



MBS Head Office
MB Building, 21 Cat Linh, Dong Da, Hanoi, Vietnam
Tel: +84 24 7304 5688 Fax: +84 24 3726 2601
Web: www.mbs.com.vn

GDP bứt phá quý IV – “Bệ đỡ” cho thị trường phục hồi

- **Thị trường chứng khoán thế giới** điều chỉnh giảm trong tuần vừa qua, mức giảm mạnh tập trung ở một số thị trường lớn ở Châu Á gồm: Nhật Bản (-4,1%), Hàn Quốc (-3,7%), Đài Loan (-2,1%). Ở thị trường chứng khoán Mỹ, Nasdaq giảm 3%, đánh dấu tuần giảm mạnh nhất kể từ đầu tháng 4. S&P 500 và Dow Jones giảm hơn 1% mỗi chỉ số. Cổ phiếu công nghệ là nhóm bị bán nhiều nhất ở Phố Wall trong tuần vừa qua, bên cạnh đó tình trạng đóng cửa kéo dài của Chính phủ Mỹ (hơn 5 tuần) và đây là cuộc đóng cửa chính phủ dài nhất trong lịch sử Mỹ đang đặt ra những tác động tiềm ẩn không nhỏ đối với nền kinh tế. Trong phiên giao dịch cuối tuần, cả ba chỉ số cùng thoát đáy sau khi thượng nghị sỹ Chuck Schumer của Đảng Dân chủ, thủ lĩnh phe thiểu số tại Thượng viện, đưa ra một kế hoạch mới để cùng các nghị sỹ Cộng hòa tiến tới chấm dứt tình trạng đóng cửa chính phủ.
- Do Chính phủ đóng cửa, các báo cáo kinh tế Mỹ quan trọng bị hoãn công bố, khiến nhà đầu tư phải dựa vào dữ liệu từ khu vực tư nhân - thường bị cho là thiếu chính xác hơn - để xác định trình trạng của nền kinh tế Mỹ và điều chỉnh kỳ vọng về đường đi lãi suất của Cục Dự trữ Liên bang (Fed). Tuần này, các số liệu từ khu vực tư nhân đã ít nhiều gây lo ngại về sức khỏe của nền kinh tế lớn nhất thế giới. Báo cáo việc làm phi nông nghiệp tháng 10, lẽ ra được công bố vào ngày thứ Sáu tuần này, đang bị hoãn. Trong một cuộc khảo sát của hãng tin Dow Jones, các nhà phân tích dự báo khu vực phi nông nghiệp của Mỹ mất 60.000 công việc trong tháng trước và tỷ lệ thất nghiệp tăng lên mức 4,5%. Hiện tại, thị trường đang đặt cược khả năng dưới 70% Fed tiếp tục hạ lãi suất trong cuộc họp tháng 12 - theo dữ liệu từ công cụ FedWatch Tool của sàn CME.
- **Đối với thị trường trong nước:** Chỉ số Vn-Index đã giảm 4 tuần liên tiếp, chuỗi giảm dài nhất kể từ giữa tháng 8/2024. Chốt tuần đầu tháng 11, thị trường dừng ở 1.599,1 điểm, giảm -40,55 điểm (-2,5%) so với tuần trước, mức thấp nhất trong tuần vừa qua, thị trường đã mất hơn 200 điểm (-11,2%) kể từ đỉnh. Nhóm cổ phiếu Midcap có mức giảm mạnh nhất (-4,6%), VN30 cũng sụt -3,2% và Smallcap giảm -2,3%.
- **Độ rộng thị trường** ghi nhận một tuần giảm trên diện rộng tuy vậy vẫn có một số nhóm cổ phiếu ngược dòng thị trường như: Thực phẩm (+7,1%), Bảo hiểm (+2,9%), Dầu khí (+0,9%), ... Trong khi mức giảm tập trung ở một số nhóm cổ phiếu như: Bán lẻ (-6,9%), Đầu tư công (-6,4%), Thủy sản (-6,4%), ...
- **Thanh khoản toàn thị trường** tuần vừa qua còn 28.644 tỷ đồng, giảm -5,8% so với tuần trước đó, trong đó thanh khoản khớp lệnh cũng sụt -4,8% còn 26.565 tỷ đồng. Theo thống kê, thanh khoản tuần đầu tháng 11 giảm -22% so với mức bình quân trong tháng 10 vừa qua, nhưng vẫn cao hơn +81% so với cùng kỳ. Lũy kể từ đầu năm, thanh khoản toàn thị trường đạt 29.500 tỷ đồng, tăng +39,8% so với mức bình quân năm 2024, và tăng +37% so với cùng kỳ.

GDP bứt phá quý IV – “Bệ đỡ” cho thị trường phục hồi

- Khối ngoại** bán ròng -2.540 tỷ đồng, đánh dấu tuần bán ròng thứ 16 liên tiếp, lũy kế từ đầu năm khối ngoại bán ròng -131.330 tỷ đồng, vượt kỷ lục bán ròng năm ngoái (-92.600 tỷ đồng). Tuần vừa qua, khối ngoại mua ròng đối với: FPT (+561 tỷ đồng), MSN (+286 tỷ đồng), PVD (+270 tỷ đồng), trong khi bán ròng STB (-757 tỷ đồng), HDB (-426 tỷ đồng), SSI (-312 tỷ đồng), ... Tự doanh các công ty chứng khoán tuần vừa qua mua ròng đối với các cổ phiếu như: FPT (+339 tỷ đồng), TCB (+140 tỷ đồng), MWG (+107 tỷ đồng), ... trong khi bán ròng đối với các cổ phiếu khác như: HDB (-88 tỷ đồng), MSN (-53 tỷ đồng), CTG (-34 tỷ đồng).
- Nhận định thị trường:** Chỉ số Vn-Index đã mất 200 điểm (-11,2%) từ đỉnh 1.800 chỉ trong 4 tuần giảm liên tiếp – chuỗi giảm dài nhất trong vòng 1 năm. Mức điều chỉnh hiện tại là bình thường sau nhịp tăng mạnh từ đáy tháng 4 và từ đầu năm. Tuy nhiên, nếu loại trừ tác động nhóm Vingroup, chỉ số đang ở vùng 1.398 điểm – thấp hơn đáng kể so với mặt bằng chung. Chúng tôi đánh giá thị trường đang trong giai đoạn tái tích lũy sau nhịp tăng nóng. Nền tảng vĩ mô vẫn vững, chính sách hỗ trợ tăng trưởng được đẩy mạnh – đây là cơ hội “lội ngược dòng” từ đầu tư công và nới lỏng tiền tệ. Các điểm nhấn chính nhà đầu tư cần lưu ý: **Thứ nhất, Vĩ mô – Đầu tư công “bùng nổ” quý IV, GDP cần >8,4% để đạt mục tiêu:** Bức tranh kinh tế 10 tháng năm 2025 tiếp tục khởi sắc. Tăng trưởng GDP 9 tháng đạt 7,85%, quý IV phải đạt trên 8,4% để bảo đảm mục tiêu cả năm. Sau hơn 10 tháng, cả nước mới giải ngân được hơn 464.000 tỷ đồng, đạt 51,7% kế hoạch. Như vậy, hơn 400.000 tỷ đồng vốn đầu tư công vẫn “nằm trên giấy” chờ giải ngân. Thay mặt Bộ Chính trị, Tổng Bí thư Tô Lâm vừa ký ban hành Kết luận số 203-KL/TW về việc tiếp tục tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nhằm bảo đảm thực hiện ở mức cao nhất mục tiêu tăng trưởng năm 2025, tạo đà vững chắc cho tăng trưởng bền vững ở mức hai con số trong giai đoạn tới. Đồng thời, khởi công một số dự án quan trọng quốc gia trong các lĩnh vực giao thông, năng lượng, hạ tầng và các dự án sử dụng vốn đầu tư công lớn như cao tốc Bắc – Nam phía Đông, Nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận, tuyến đường sắt quốc tế... từ đầu năm 2026. Chúng tôi cho rằng, đầu tư công có thể là cú huých đầu tiên, giúp VN-Index test lại vùng hỗ trợ 1.600 - 1.620 điểm. **Thứ hai, Nội lực tích lũy, cổ phiếu giảm sâu hơn chỉ số, dòng tiền nội sẵn sàng “bắt đáy”:** Chỉ số Vn-Index đã giảm 200 điểm (-11,2%) kể từ đỉnh trong chuỗi giảm hơn 2 tháng qua, về vùng tâm lý 1.600 điểm. Tuy vậy, nếu loại trừ tác động từ nhóm cổ phiếu Vingroup, hiện chỉ số Vn-Index đang ở dưới ngưỡng 1.400 điểm (là điểm bắt đầu chuỗi tăng mạnh trong năm nay, được kích hoạt từ dòng vốn ngoại mua ròng 3 tuần liên tiếp với giá trị 13.400 tỷ đồng). Ở mặt bằng cổ phiếu, một số nhóm cổ phiếu mang tính dắt cũng đã về nơi bắt đầu tăng và được dòng tiền đổ vào mạnh. Kể từ mức đỉnh sát ngưỡng 1.800 điểm, chỉ số Vn-Index đã giảm gần 11% (theo giá đóng cửa), tuy vậy một số cổ phiếu ở các nhóm như Chứng khoán, Ngân hàng, BĐS, ... đã giảm từ 20 -30% trong bối cảnh kết quả kinh doanh quý 3 năm 2025 cho thấy sự tăng trưởng mạnh mẽ ở nhiều ngành, đặc biệt là ngành tài chính (ngân hàng, chứng khoán) và một số doanh nghiệp sản xuất, bất động sản, thủy sản. Nhìn chung, đa phần cổ phiếu đã điều chỉnh xa hơn nhiều so với ngưỡng 1.600 điểm và tạm thời tạo một vùng tái tích lũy thứ 2 trước chỉ số chung. **Thứ ba, yếu tố mùa vụ ủng hộ phục hồi ngắn hạn, 1.600 điểm là “bệ đỡ” tâm lý, MA100 (1.590–1.600 điểm) là hỗ trợ ngắn hạn:** Vùng hỗ trợ 1.600 điểm của chỉ số Vn-Index đã kéo dài từ ngày 25/8 đến nay, thị trường nhiều lần phục hồi tại đây khi có dòng tiền bắt đáy tích cực. Việc thị trường để mất ngưỡng 1.600 điểm cuối tuần vừa qua không bất ngờ khi vòng bắt đáy đầu tiên cổ phiếu về tài khoản không mấy hiệu quả, bên cạnh đó việc thị trường để mất ngưỡng hỗ trợ này trong thời gian ngắn ở phiên cuối tuần trước cũng cần thêm tín hiệu xác nhận. Về kỹ thuật, nếu thị trường để mất ngưỡng hỗ trợ này một cách dứt khoát kèm thanh khoản cao, các ngưỡng hỗ trợ tiếp theo có độ sâu đáng kể nếu tính nhịp tăng vừa qua kể từ đáy tháng 4. Trong ngắn hạn, hỗ trợ của thị trường ở khu vực MA100 tương ứng vùng 1.590 – 1.600 điểm.
- Chiến lược giao dịch:** Không mua đuổi trong các phiên tăng điểm nhờ trụ, ưu tiên bắt đáy vùng hỗ trợ 1.590 - 1.600 với tỷ trọng 30 – 50%. Tập trung danh mục ở nhóm cổ phiếu đã giảm sâu như chứng khoán, bất động sản, ngân hàng, công nghệ, bên cạnh đó là các nhóm cổ phiếu hàng hóa như: dầu khí, thép, hóa chất, thủy sản, cao su tự nhiên.

Danh mục cổ phiếu tiêu biểu - Tháng 11 2025



STT	Cổ phiếu	Vốn hóa (Tỷ VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá	Tăng trưởng LN 2025	P/E 2025	P/B 2025	Luận điểm đầu tư
1	CTG	273,870	65,600	33.3%	20.2%	8.7	1.6	Hưởng lợi từ việc đẩy mạnh đầu tư công nửa cuối năm 2025 nhằm hoàn thành kế hoạch cả năm. NIM được duy trì tốt hơn so với các ngân hàng tư nhân nhờ chi phí vốn thấp hơn. Chi phí dự phòng cao của năm trước tạo ra tiềm năng lớn cho tăng trưởng lợi nhuận 2025.
2	ACB	130,471	33,400	33.1%	2.3%	7.6	1.4	Tín dụng SME và bán lẻ phục hồi mạnh hơn trong năm 2026, hỗ trợ biên lãi ròng (NIM) hồi phục. Chất lượng tài sản vượt trội giúp duy trì chi phí tín dụng ở mức thấp. Định giá hấp dẫn so với các doanh nghiệp cùng ngành.
3	GVR	112,400	34,300	21.0%	61.0%	17.2	1.9	Chúng tôi cho rằng cổ phiếu GVR đang ở mức định giá khá hấp dẫn, nhờ sở hữu nhiều triển vọng tăng trưởng dài hạn đến từ: (1) tình trạng thiếu hụt nguồn cung cao su, (2) các khu công nghiệp mới, và (3) chuyển đổi đất cao su sang đất khu công nghiệp. Động lực tăng trưởng chính đến từ các KCN mới: KCN NTU 3 dự kiến mang lại khoản lợi nhuận đột biến do được ghi nhận một lần thay vì phân bổ dần theo thời hạn thuê. Các KCN mới như Hiệp Thành, Rạch Bắp giai đoạn 2, Bắc Đồng Phú mở rộng, Nam Đồng Phú mở rộng và Minh Hưng 3 giai đoạn 2 sẽ bổ sung quỹ đất mới cho sự phát triển dài hạn của GVR.
4	VRE	81,690	42,000	21.4%	59.0%	12.8	1.7	VRE dự kiến ghi nhận khoản lợi nhuận đột biến khoảng 1.900 tỷ đồng từ thương vụ bán Vincom NCT trong quý 4/2025, qua đó giúp lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ cả năm ước đạt 6.516 tỷ đồng (+59% so với cùng kỳ). Sang năm 2026, công ty sẽ khai trương Vincom Plaza Đan Phượng, dự kiến bổ sung thêm khoảng 90.000 m² diện tích sàn bán lẻ, góp phần thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận của VRE.
5	PDR	22,536	27,900	19.2%	477.0%	25.2	1.7	Dòng tiền dự kiến được cải thiện nhờ khoản thoái vốn tại Thuận An 1 & 2 trong 2H25 và 2026; tăng trưởng LN ròng được kỳ vọng đến từ hoạt động kinh doanh cốt lõi thay vì thu nhập tài chính như giai đoạn 2021-2024; PDR đã được phê duyệt hai dự án nằm trong danh mục thí điểm theo Nghị quyết 171/2024/QH15, với tổng diện tích khoảng 45 ha (Khu phức hợp cao tầng Phú Hòa và Khu phức hợp cao tầng Tương Bình Hiệp). Đây là hai dự án có quy mô tương đối lớn và dự kiến được triển khai trong giai đoạn 2025-2033.
6	BSR	86,126	18,700	12.7%	223.7%	41.5	1.5	Giá dầu thô ở mức thấp cùng với biên lọc dầu tăng được kỳ vọng sẽ giúp BSR cải thiện biên lợi nhuận trong quý 4, nhờ chi phí đầu vào giảm và nhu cầu nhiên liệu nội địa tăng mạnh vào cuối năm. PVN đang có kế hoạch thoái 1 phần vốn tại BSR để đảm bảo tỷ lệ tự do chuyển nhượng tối thiểu 10%, nếu hoàn thành trong Quý 4 này, BSR có thể gia nhập VN30 vào Q1/2026.

Danh mục cổ phiếu tiêu biểu - Tháng 11 2025



STT	Cổ phiếu	Vốn hóa (Tỷ VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá	Tăng trưởng LN 2025	P/E 2025	P/B 2025	Luận điểm đầu tư
7	PVD	11,368	28,700	41.7%	24.0%	13.1	0.7	PVD có tiềm năng tăng trưởng lợi nhuận tốt nhờ nhu cầu phát triển các dự án dầu khí mới tại Việt Nam và khu vực Đông Nam Á, trong bối cảnh không có giàn khoan mới nào được bổ sung vào thị trường. Gần đây, PVD đã mua thêm hai giàn khoan là PVD VIII (dự kiến đưa vào vận hành cuối tháng 8/2025) và PVD IX (dự kiến vận hành vào đầu quý 2/2026).Chúng tôi kỳ vọng các giàn khoan này sẽ ký được hợp đồng với mức giá thuê ngày đang ở mức cao.
8	HAH	10,469	84,000	34.0%	102.4%	7.9	2.0	Chúng tôi kỳ vọng LN ròng sẽ tăng lần lượt 102% và 11% trong giai đoạn 2025–2026, chủ yếu nhờ việc mở rộng đội tàu và phát triển các tuyến dịch vụ mới, kết hợp với giá thuê tàu duy trì ở mức cao so với cùng kỳ năm trước. HAH đang tiếp tục mở rộng đội tàu khai thác nhằm đáp ứng nhu cầu vận tải gia tăng, bất chấp tác động từ các mức thuế quan, trong bối cảnh các quốc gia nội Á đang mở rộng thị trường xuất khẩu. Việt Nam vẫn duy trì mức thuế cạnh tranh so với các nước trong khu vực, trong khi sự phục hồi của thị trường bất động sản phía Nam góp phần thúc đẩy nhu cầu vận chuyển vật liệu xây dựng.
9	HDG	11,432	40,200	29.7%	129.0%	17.1	1.8	Sản lượng thủy điện dự kiến duy trì ở mức cao trong quý 4, được hỗ trợ bởi sự trở lại của hiện tượng La Nina và mưa lớn thường xuyên tại khu vực miền Trung. Doanh nghiệp duy trì kế hoạch bàn giao 20–25 căn hộ thuộc giai đoạn 3 dự án Charm Villa trong quý 4, với giá bán tăng lên 250–270 triệu đồng/m², hướng tới doanh thu khoảng 800 tỷ đồng theo kế hoạch của ban lãnh đạo. Điều này sẽ tạo cú hích lớn cho tăng trưởng lợi nhuận, đặc biệt khi nền so sánh năm trước ở mức thấp.
10	CTR	10,501	123,000	30.9%	13.5%	17.1	4.9	Tăng trưởng lợi nhuận cho thấy sự phục hồi rõ rệt trong quý 3, được thúc đẩy bởi mảng TowerCo và sự khởi sắc của mảng xây dựng dân dụng nhờ thị trường bất động sản ấm lên. Chiến lược mở rộng hoạt động ra ngoài Tập đoàn Viettel đang mang lại kết quả tích cực. Cổ phiếu hiện có tỷ lệ rủi ro/lợi nhuận hợp lý và biên an toàn cao. Với mức P/E hiện tại 17,6 lần (thấp hơn khoảng 25% so với trung bình 2 năm), đây có thể là lựa chọn phù hợp trong bối cảnh thị trường ưu tiên các doanh nghiệp chưa tăng giá và có triển vọng tăng trưởng lợi nhuận tốt.

Các sự kiện chính trong tuần này (10/11 – 14/11)

Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu
10	11  Anh: Tỷ lệ thất nghiệp (tháng 9)	12	13  Anh: Tăng trưởng GDP sơ bộ (Q3)  Mỹ: Chỉ số giá tiêu dùng (tháng 10)	14  Trung Quốc: Tỷ lệ thất nghiệp (tháng 10)  Châu Âu: Tăng trưởng GDP sơ bộ (Q3)

Nguồn: Bloomberg, MBS Research

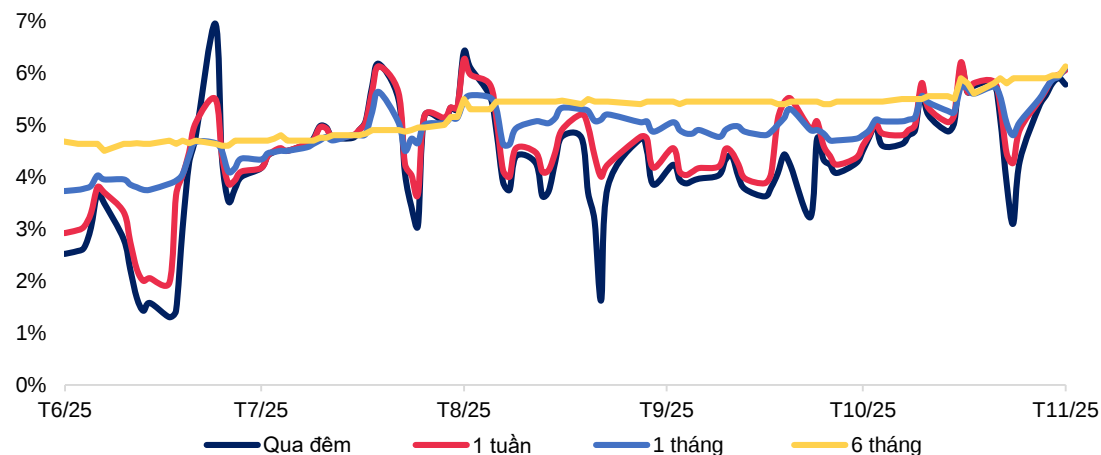
THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Lãi suất

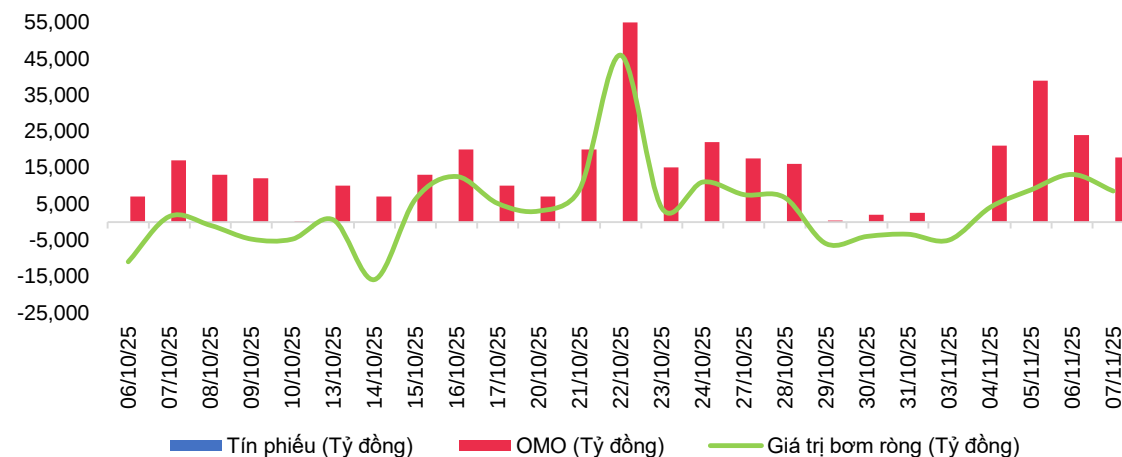
- Trong tuần 03-07/11, NHNN tiếp tục bơm ròng tuần thứ tư liên tiếp với gần 29.5 nghìn tỷ đồng (cao hơn đáng kể so với mức 854.6 tỷ đồng của tuần trước). Cụ thể, có 101.7 nghìn tỷ trúng thầu trên kênh OMO với kỳ hạn từ 7 - 91 ngày và lãi suất 4%. Cùng với đó, khối lượng đảo hạn trên kênh cho vay cầm cố giấy tờ có giá trong kỳ đạt hơn 72.2 nghìn tỷ đồng. Tính đến thời điểm hiện tại khối lượng lưu hành trên kênh cầm cố là hơn 253.8 nghìn tỷ đồng và không còn tín phiếu lưu hành trên thị trường.
- Mặt bằng lãi suất liên NH tăng ở tất cả các kỳ hạn trong tuần này. Cụ thể, lãi suất liên NH kỳ hạn qua đêm tăng 1.48 điểm phần trăm, từ 4.3% vào cuối tuần trước lên 5.78% vào cuối tuần này. Các kỳ hạn 1 tuần - 1 tháng cũng tăng đồng loạt 1.05 - 1.15 điểm phần trăm, dao động quanh 6.05% - 6.10%, trong khi kỳ hạn 6 tháng nhích nhẹ lên 6.13% (+0.23 điểm phần trăm).

Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Thị trường mở



Nguồn: NHNN, MBS Research

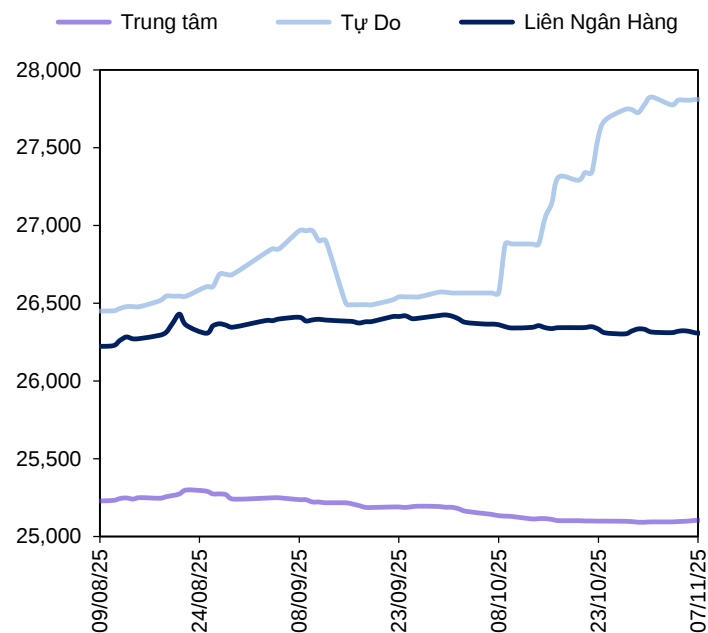
THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Thị trường ngoại hối và trái phiếu

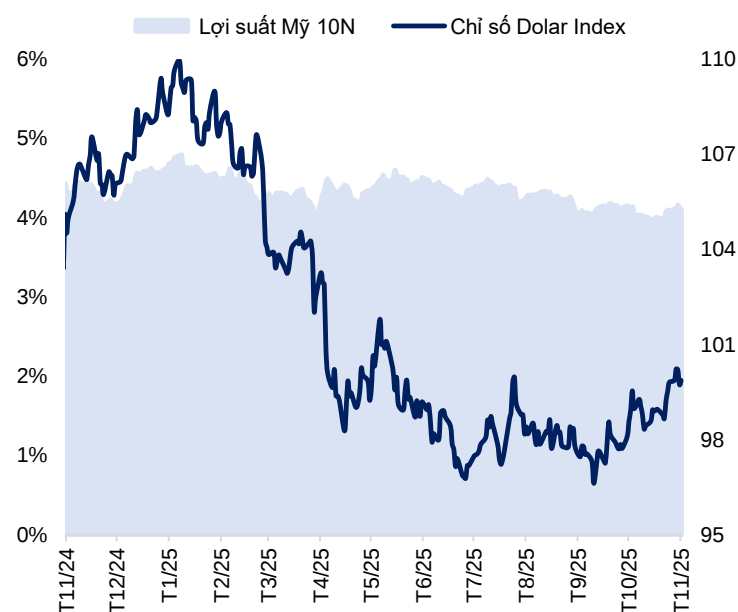
Tuần qua, chỉ số DXY ghi nhận diễn biến trái chiều. Cụ thể, chỉ số DXY tăng lên mức cao nhất trong 5 tháng trở lại đây tại 100.2 vào giữa tuần nhờ chỉ số PMI dịch vụ tháng 10 được công bố tốt hơn dự báo. Tuy nhiên, Đồng bạc xanh đã quay đầu giảm về mức 99.6 vào cuối tuần sau khi các thông tin tiêu cực xuất hiện: hơn 153 nghìn việc làm bị cắt giảm trong tháng 10 (+183% so với tháng 9) và chỉ số tâm lý tiêu dùng tháng 11 của Đại học Michigan giảm 6.2% so với tháng trước, xuống 50.3, mức thấp nhất kể từ tháng 6/2022. Trong nước, tỷ giá USD/VND liên NH giảm nhẹ so với cuối tuần trước về mức 26,307 VND/USD (+3.3% so với đầu năm). Trong khi đó, tỷ giá trung tâm tăng 0.02% so với cuối tuần trước lên mức 25,103 VND/USD (+3.1% so với đầu năm). Tỷ giá trên thị trường tự do tiếp tục tăng 0.14% trong tuần lên mức 27,820 VND/USD (+8% so với đầu năm).

Tỷ giá USD/VND



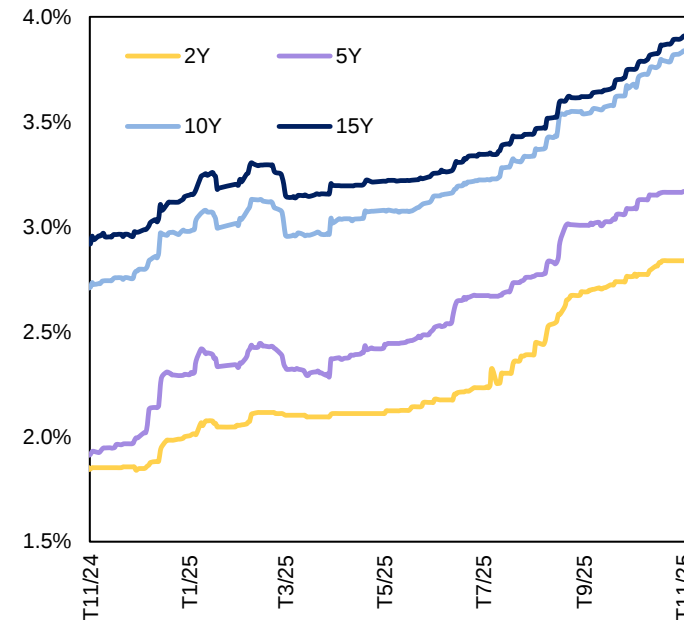
Nguồn: NHNN, Bloomberg, MBS Research

Chỉ số Dolar index và lợi suất TPCP Mỹ 10N



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Lợi suất TPCP



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

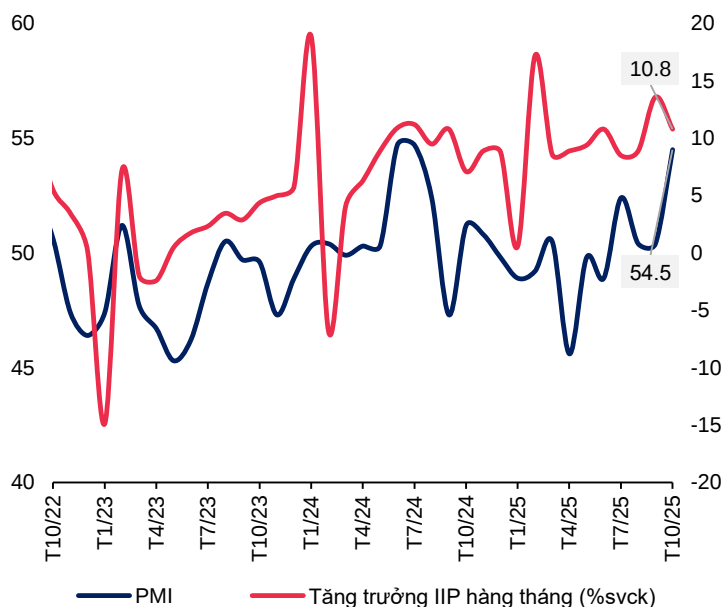
THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Kinh tế vĩ mô trong nước

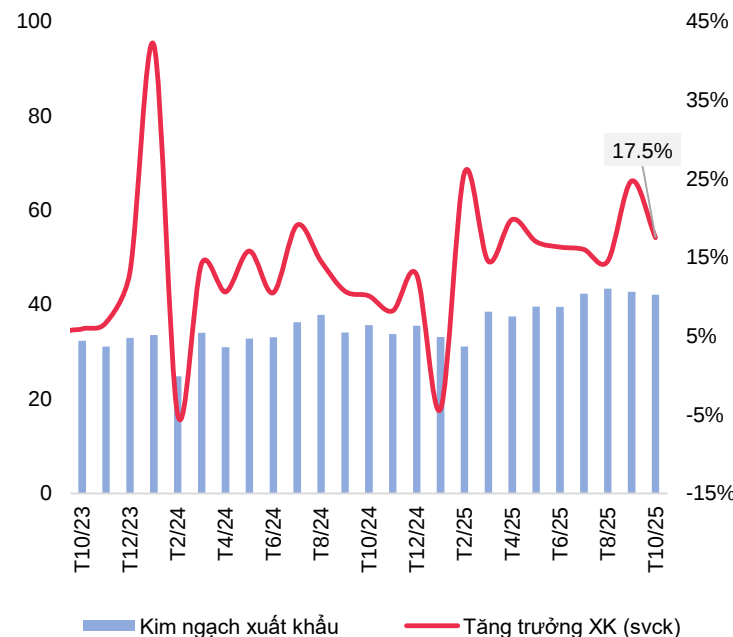
- Trong T10/25, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sơ bộ đạt 42.05 tỷ USD (+17.5% svck), trong khi kim ngạch nhập khẩu ước đạt 39.45 tỷ USD (+16.8% svck). Lũy kế từ đầu năm, cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 19.56 tỷ USD. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) T10/25 ước tính tăng 2.4% so với tháng trước và tăng 10.8% svck. Cùng với đó, chỉ số PMI tiếp tục ở trên ngưỡng 50 điểm tháng thứ 4 liên tiếp khi đạt 54.5 điểm trong T10 – mức cao nhất kể từ T7/24, được thúc đẩy bởi việc sản lượng và số lượng đơn hàng mới tăng mạnh nhờ nhu cầu khách hàng cải thiện. Trong đó, số lượng đơn hàng xuất khẩu đã tăng lần đầu tiên trong một năm trở lại đây.
- Hoạt động thương mại, dịch vụ trong T10 bị ảnh hưởng bởi thiên tai, lũ lụt xảy ra tại nhiều địa phương trên cả nước. Theo đó, mức tăng trưởng của tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trong T10 đã giảm về mức thấp nhất trong vòng một năm trở lại đây tại 7.2%. Lũy kế 10T25, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 9.3% svck, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 7% svck.

Chỉ số PMI sản xuất và IIP của Việt Nam (% svck)



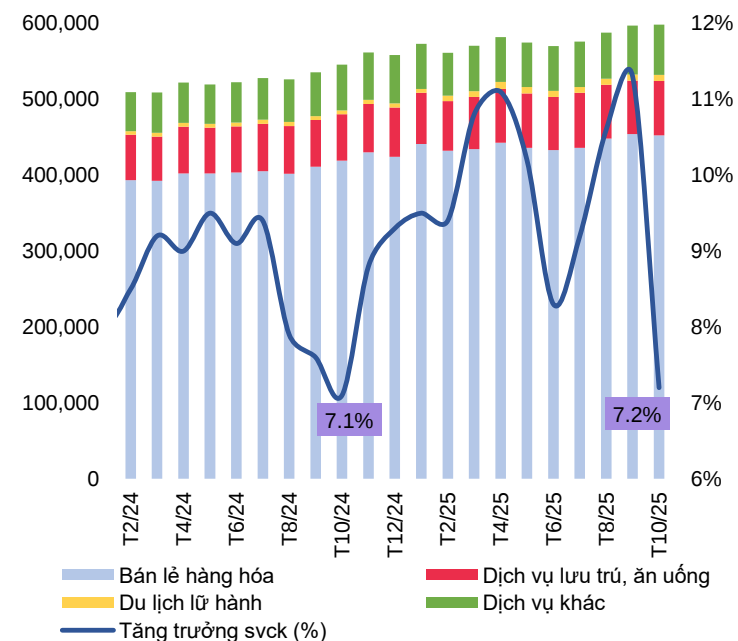
Nguồn: TCTK, MBS Research

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa (Tỷ USD)



Nguồn: TCTK, MBS Research

Doanh thu bán lẻ hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng so với cùng kỳ năm trước (Tỷ USD)



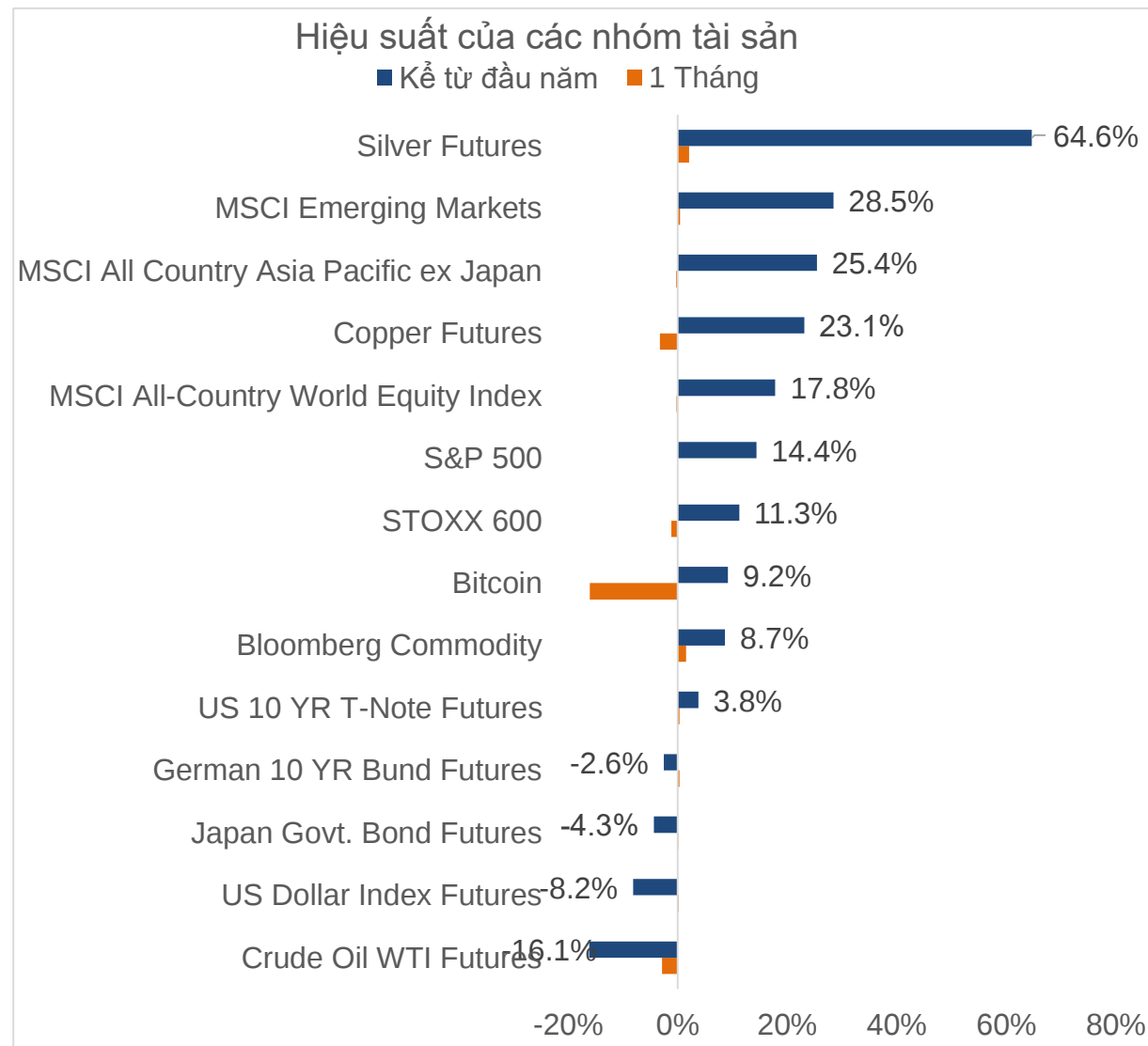
Nguồn: TCTK, MBS Research

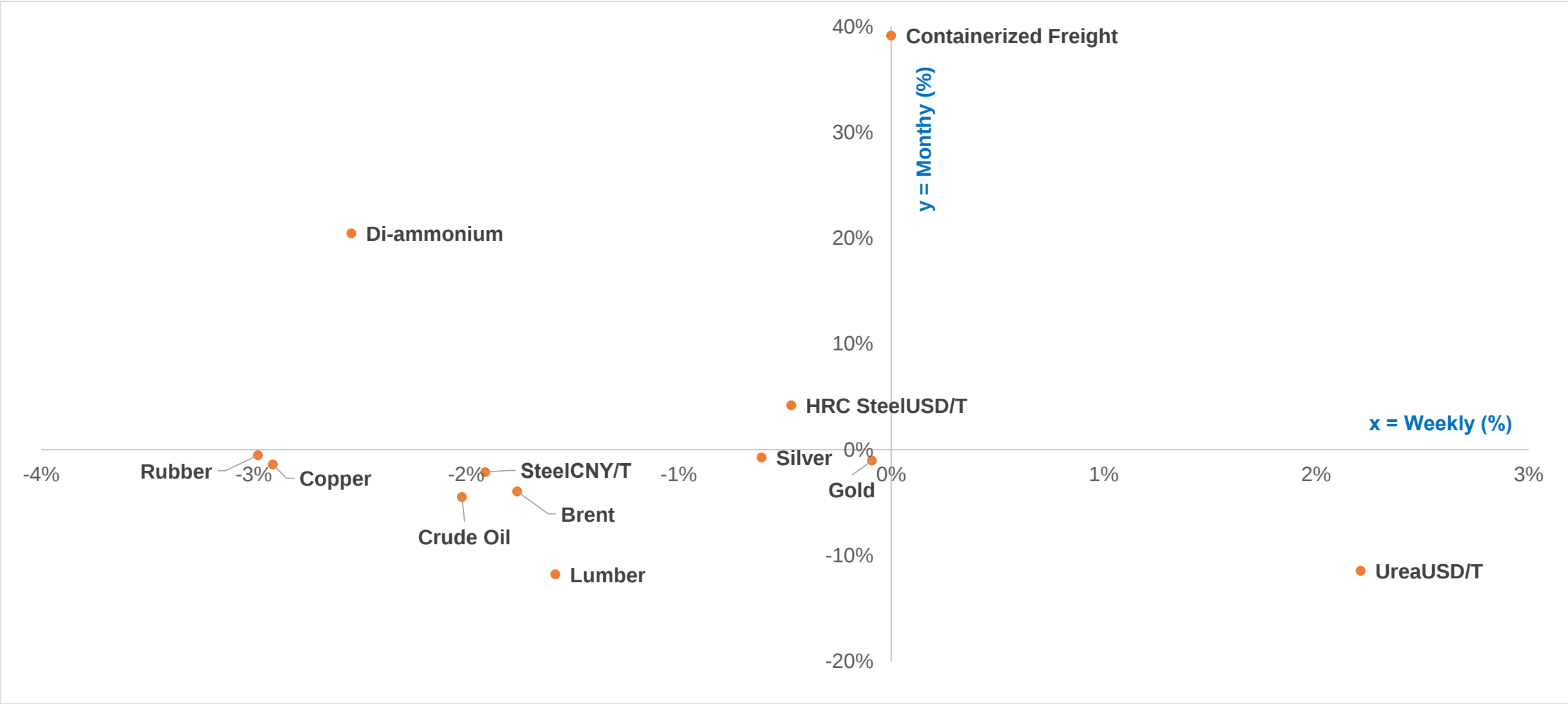
THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

Diễn biến các chỉ số chứng khoán tuần qua

Index	Last	1 Week	1 Month	YTD	1 Year
Global	991.32	-1.5%	-0.2%	17.8%	14.9%
Dow Jones	46,987.10	-1.2%	1.4%	10.4%	6.8%
S&P 500	6,728.80	-1.6%	-0.1%	14.4%	12.2%
Europe	564.79	-1.2%	-1.1%	11.3%	11.5%
Japanese	50,276.37	-4.1%	3.5%	26.0%	27.3%
Korea	3,953.76	-3.7%	11.4%	64.8%	54.4%
China	3,997.56	1.1%	1.6%	19.3%	15.8%
HongKong	26,241.83	1.3%	-1.9%	30.8%	26.6%
Taiwan	27,651.41	-2.1%	1.3%	20.0%	17.4%
Indian	25,492.30	-0.9%	1.2%	7.8%	5.6%
Singapore	4,492.24	1.4%	1.2%	18.6%	20.6%
Malaysia	1,619.13	0.6%	-0.7%	-1.4%	-0.1%
Indonesia	8,394.59	2.8%	1.7%	18.6%	15.2%
Thailand	1,302.91	-0.5%	-0.8%	-7.0%	-11.1%
Philippine	5,759.37	-2.9%	-4.9%	-11.8%	-17.5%
Vn-Index	1,599.10	-2.5%	-6.8%	26.2%	27.7%
VN30	1,824.71	-3.2%	-6.0%	35.7%	38.5%
VN100	1,735.99	-3.5%	-7.6%	30.6%	33.2%
Vn Midcap	2,239.14	-4.6%	-10.1%	17.8%	19.0%
VN Smallcap	1,504.60	-2.3%	-5.2%	3.7%	6.6%
Brent Oil	63.63	-2.2%	-2.4%	-14.8%	-13.9%
Crude Oil WTI	59.75	-2.0%	-2.9%	-16.1%	-14.8%
Gold	4,009.80	0.3%	0.9%	51.8%	48.8%
Dollar Index	99.47	-0.2%	0.2%	-8.2%	-5.2%

Nguồn: Update 08/11, Investing, MBS Research





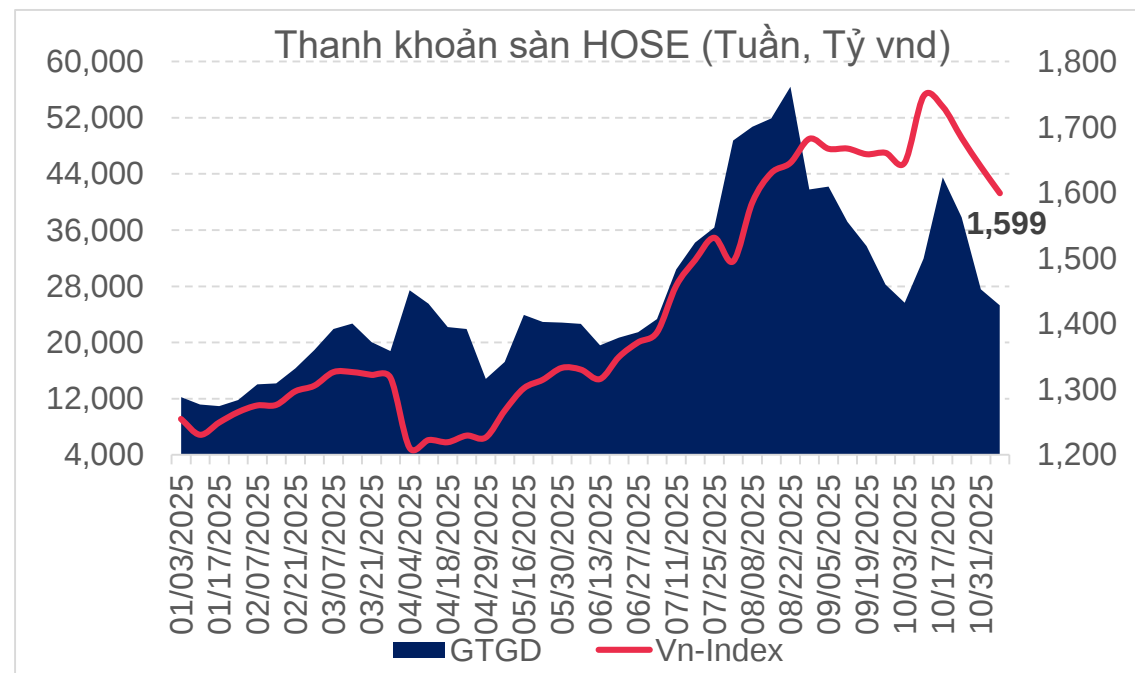
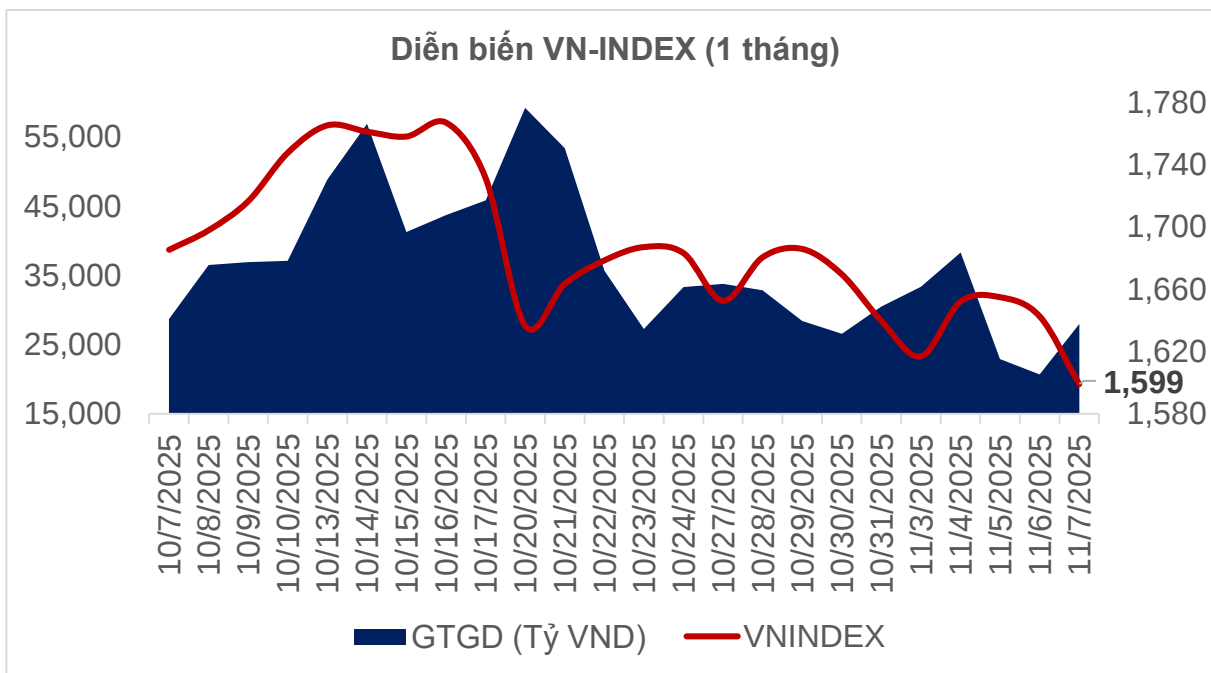
Nguồn: Update 08/11, tradingeconomics, MBS Research

Chỉ số Vn-Index đã giảm 200 điểm kể từ đỉnh, để mất ngưỡng hỗ trợ 1.600 điểm

Chỉ số Vn-Index đã giảm 4 tuần liên tiếp, chuỗi giảm dài nhất kể từ giữa tháng 8/2024. Chốt tuần đầu tháng 11, thị trường dừng ở 1.599,1 điểm, giảm -40,55 điểm (-2,5%) so với tuần trước, mức thấp nhất trong tuần vừa qua, thị trường đã mất hơn 200 điểm (-11,2%) kể từ đỉnh. Nhóm cổ phiếu Midcap có mức giảm mạnh nhất (-4,6%), VN30 cũng sụt -3,2% và Smallcap giảm -2,3%.

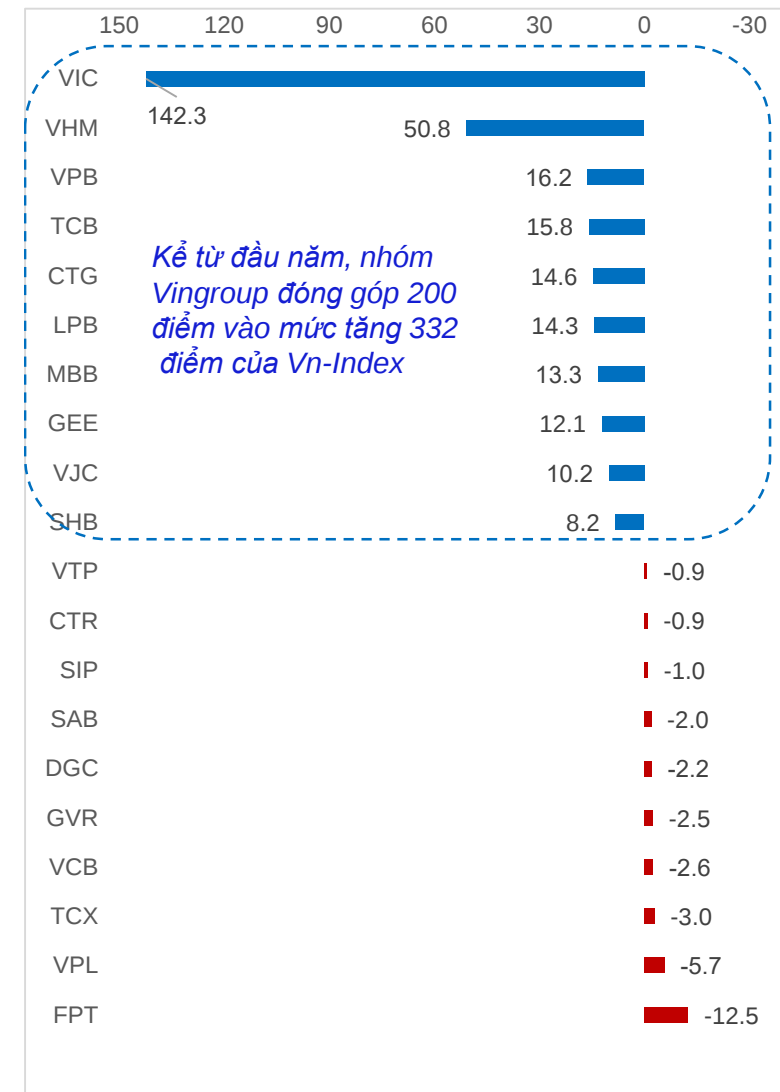
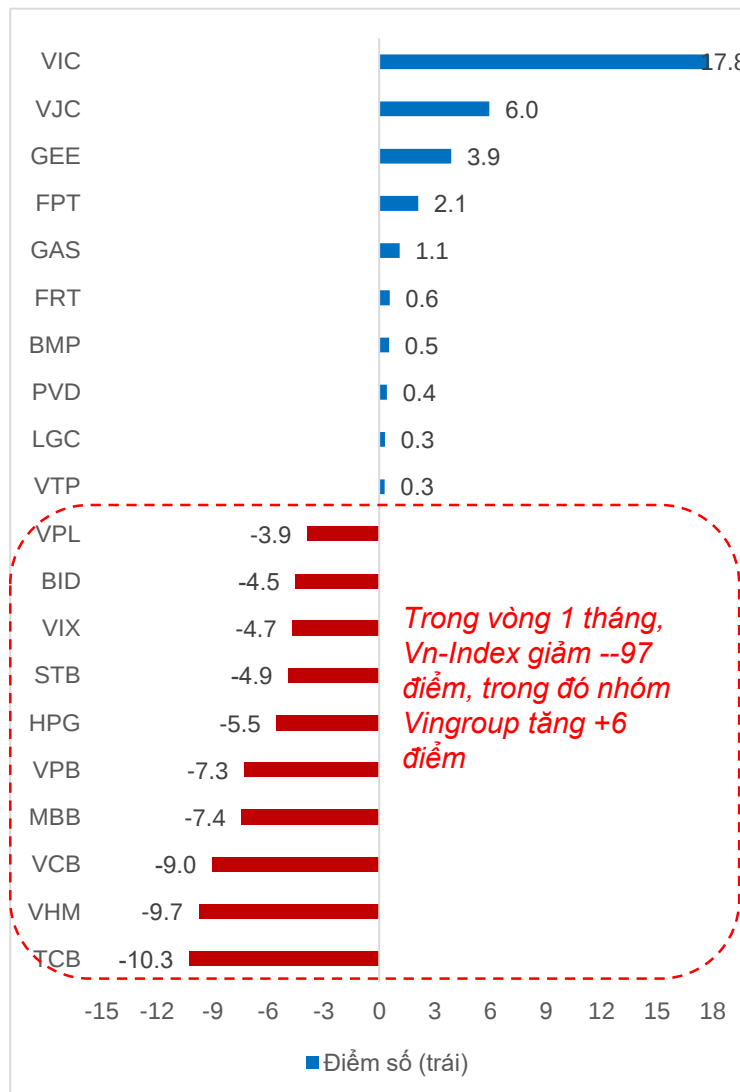
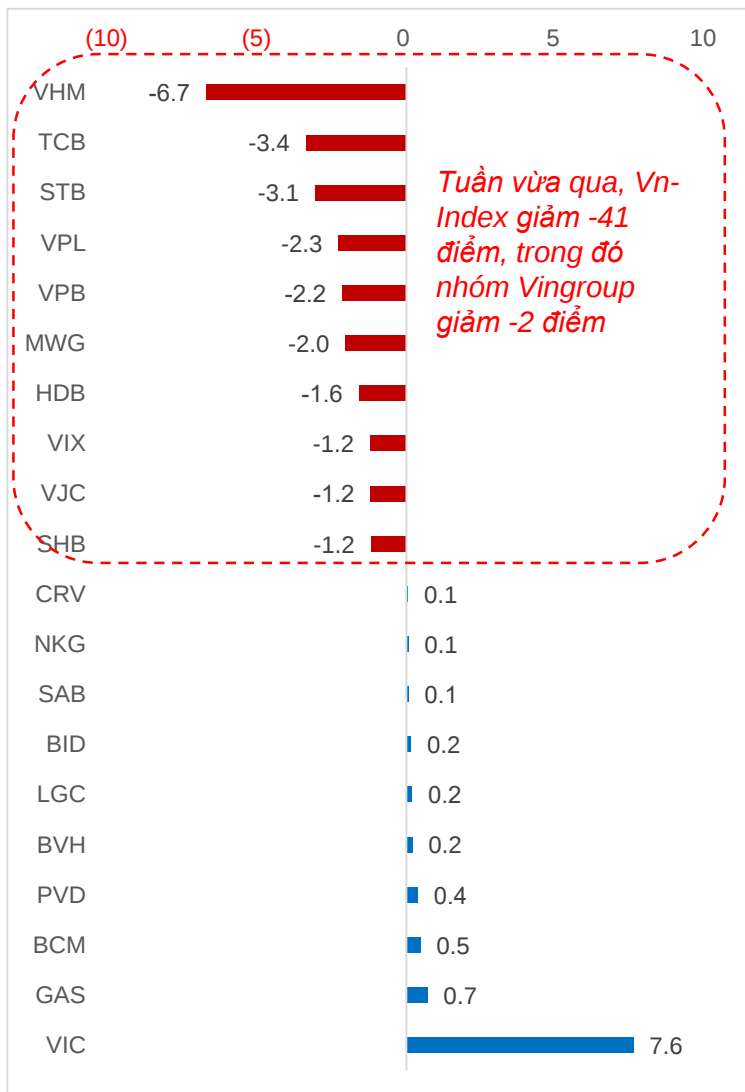
Độ rộng thị trường ghi nhận một tuần giảm trên diện rộng tuy vậy vẫn có một số nhóm cổ phiếu ngược dòng thị trường như: Thực phẩm (+7,1%), Bảo hiểm (+2,9%), Dầu khí (+0,9%), ... Trong khi mức giảm tập trung ở một số nhóm cổ phiếu như: Bán lẻ (-6,9%), Đầu tư công (-6,4%), Thủy sản (-6,4%), ...

Thanh khoản toàn thị trường tuần vừa qua còn 28.644 tỷ đồng, giảm -5,8% so với tuần trước đó, trong đó thanh khoản khớp lệnh cũng sụt -4,8% còn 26.565 tỷ đồng. Theo thống kê, thanh khoản tuần đầu tháng 11 giảm -22% so với mức bình quân trong tháng 10 vừa qua, nhưng vẫn cao hơn +81% so với cùng kỳ. Lũy kế từ đầu năm, thanh khoản toàn thị trường đạt 29.500 tỷ đồng, tăng +39,8% so với mức bình quân năm 2024, và tăng +37% so với cùng kỳ.



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC

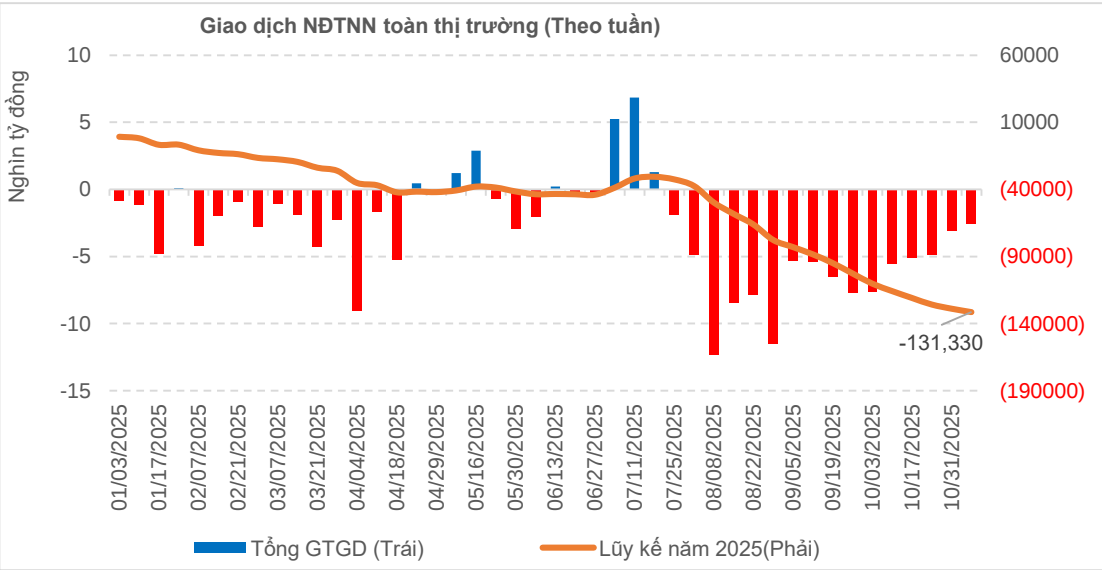
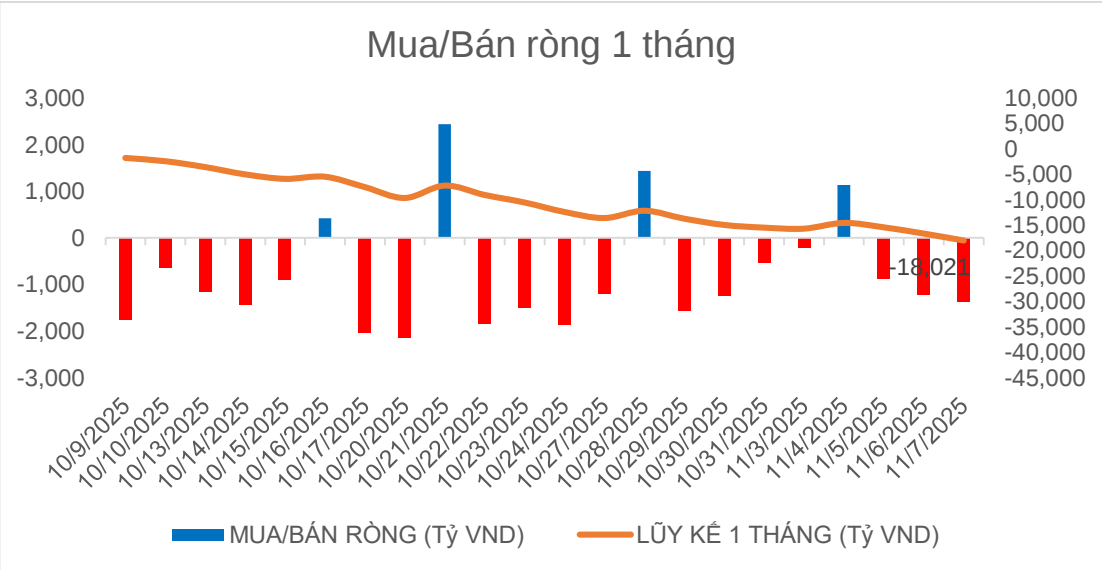
Top cổ phiếu ảnh hưởng đến chỉ số VN-Index



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Khối ngoại bán ròng -2.540 tỷ đồng, đánh dấu tuần bán ròng thứ 16 liên tiếp, lũy kế từ đầu năm khối ngoại bán ròng -131.330 tỷ đồng



Dòng vốn đầu tư quốc tế ở khu vực Châu Á (Triệu USD)

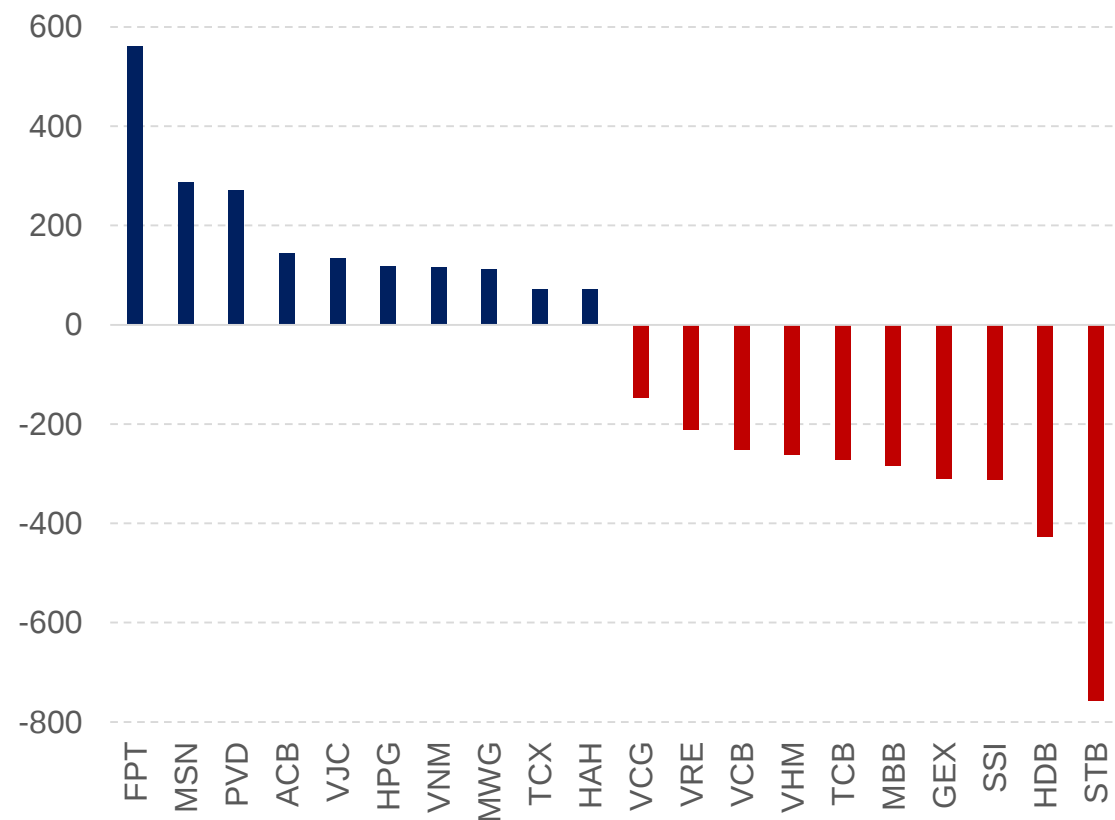
Country	Date	Daily	WTD	MTD	QTD	YTD	12M
Asia (11)							
China	30-Sep-25			20,370	68,829	96,225	53,539
India	4-Nov-25	-37	-254	-254	1,000	-16,453	-17,297
Indonesia	6-Nov-25	-7	152	152	934	-2,373	-3,773
Japan	31-Oct-25		4,481	47,557	47,557	43,198	33,301
Malaysia	24-Oct-25	-31	-3	-10	-436	-4,179	-5,716
Philippines	6-Nov-25	84	-7	77	-108	-759	-1,197
S. Korea	7-Nov-25	-325	-5,102	-5,102	-894	-1,701	-6,219
Sri Lanka	6-Nov-25	-0.1	-3.8	-4	-22	-112	-124
Taiwan	6-Nov-25	-1,215	-2,344	-2,344	-4,774	2,502	-4,108
Thailand	6-Nov-25	-26	45	45	-91	-2,972	-3,650
Vietnam	6-Nov-25	-40	-30	-30	-872	-4,598	-5,082

Nguồn: Bloomberg, MBS Research

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC

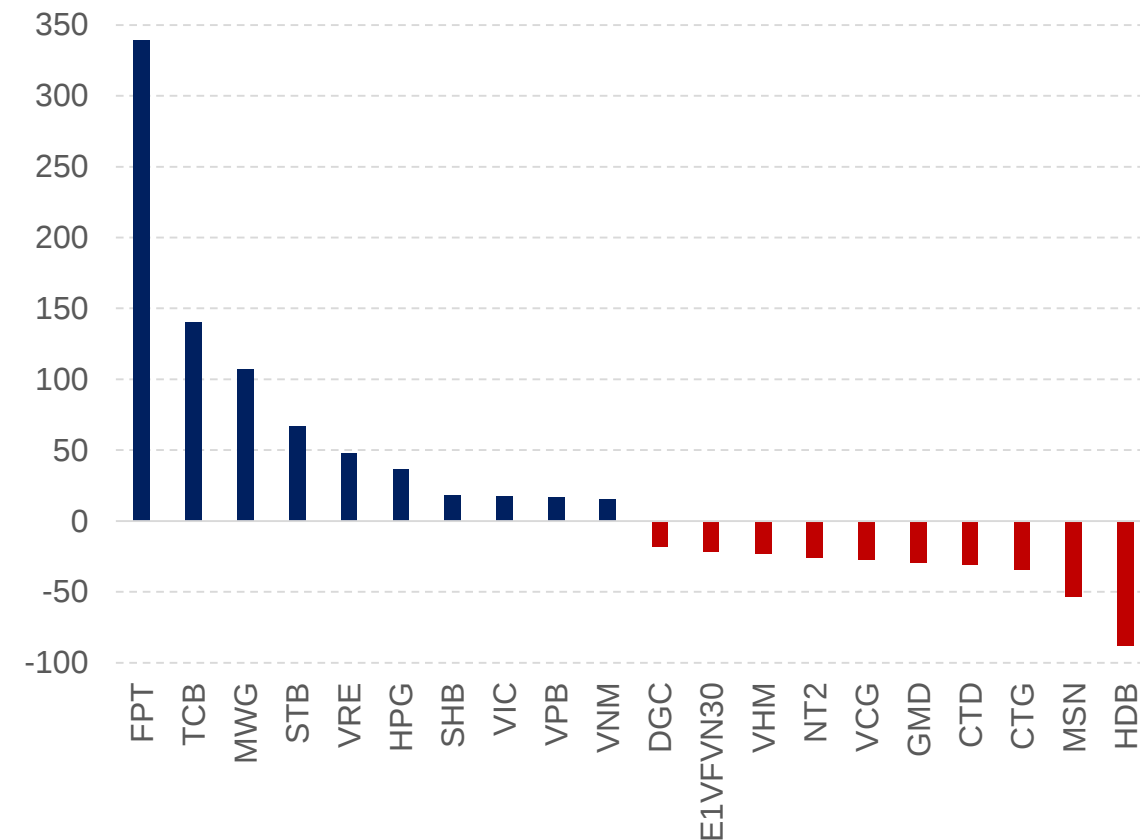
Top cổ phiếu được khối ngoại và tự doanh Mua/Bán ròng trên sàn HOSE (Tỷ VND)

Top cổ phiếu được khối ngoại Mua/Bán ròng trên sàn HOSE tuần vừa qua (Tỷ VND)



Nguồn: FinX, MBS Research

Top cổ phiếu được tự doanh ròng trên sàn HOSE tuần vừa qua (Tỷ VND)



Nguồn: FinX, MBS Research

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC

Các quỹ ETF có hiệu suất khá tích cực, Diamond giải ngân trở lại trong tháng 10 vừa qua

	Fund Assets (M USD)	NAV Currency	NAV	MTD Return	YTD Return	1 Yr Return	1W Flow (M USD)	1M Flow (M USD)	3M Flow (M USD)	YTD Flow (M USD)	1Y Flow (M USD)
Fubon FTSE Vietnam ETF	451.9	TWD	16.2	-0.4%	38.9%	38.6%	0.00	-17.06	-146.93	-321.90	-332.55
DCVFMVN30 ETF Fund	223.9	VND	33,335.0	-2.8%	41.3%	42.2%	0.00	-2.85	-47.53	-115.39	-131.73
VanEck Vietnam ETF	556.2	EUR	--	0.3%	36.9%	35.5%	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
DCVFMVN Diamond ETF	508.8	VND	38,484.4	-1.2%	15.4%	17.2%	0.00	4.66	-43.43	-36.23	-43.45
CGS Fullgoal Vietnam 30 Sector Cap ETF	10.5	USD	1.3	-1.4%	43.0%	40.3%	0.00	0.00	-12.49	-14.51	-14.61
Premia Vietnam ETF	5.7	HKD	84.9	0.4%	52.8%	48.7%	0.00	-0.90	-8.47	-8.47	-8.47
MAFN VN30 ETF	32.7	VND	22,821.7	-0.6%	41.3%	43.8%	0.00	-0.36	-8.99	-5.88	6.26
SSIAM VNFIN LEAD ETF	18.9	VND	29,918.6	-2.5%	36.7%	38.9%	0.00	0.39	0.40	-4.64	-4.16
KIM Growth VNFINSELECT ETF	11.1	VND	17,412.6	0.5%	37.5%	39.5%	0.00	0.00	-1.70	-4.57	-4.52
DCVFMVN Mid Cap ETF	13.6	VND	14,336.9	-1.2%	22.3%	23.5%	0.00	-1.06	-2.22	-3.02	-3.02
MAFM VNDIAMOND ETF	12.7	VND	16,154.6	-1.9%	14.5%	17.6%	0.00	-0.12	-1.49	-2.23	-6.05
KIM Growth VN30 ETF	92.6	VND	12,611.1	-1.3%	41.6%	41.9%	0.00	-1.06	-1.45	-3.02	-1.67
KIM Growth VN DIAMOND ETF	2.9	VND	14,144.5	0.1%	16.2%	18.3%	0.00	0.00	-1.33	-1.61	-1.61
SSIAM VNX50 ETF	5.2	VND	27,473.9	-0.7%	46.0%	46.8%	0.00	0.00	-0.31	-1.23	-1.23
SSIAM VN30 ETF	7.8	VND	23,288.4	-2.4%	41.9%	42.8%	0.09	0.27	0.02	-0.94	-0.94
Global X MSCI Vietnam ETF	24.4	USD	22.5	-1.3%	48.0%	43.4%	0.00	1.70	4.63	6.93	6.93
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF Synth	266.8	KRW	29,487.7	0.0%	32.7%	41.2%	0.00	0.00	46.00	46.00	43.19
	2,245.6						0.09	-16.39	-225.29	-470.69	-497.63

Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Dòng tiền ròng theo nhóm cổ phiếu (% tăng/giảm vs tuần trước)

	11/07/2025	10/31/2025	10/24/2025	10/17/2025	10/10/2025
Dầu khí	112.5%	3.0%	-29.5%	29.6%	33.6%
Ngân hàng	-0.4%	-35.9%	-14.0%	17.9%	50.1%
Chứng khoán	3.3%	-33.3%	0.1%	8.7%	74.1%
Bất động sản	-8.1%	-44.3%	-12.3%	101.3%	-20.2%
Dệt may	-14.6%	66.7%	-17.6%	23.4%	-21.0%
Bán lẻ	-1.9%	-32.9%	15.1%	1.8%	62.5%
Vingroup	-29.0%	-4.7%	-35.5%	59.7%	56.0%
Xây dựng & VLXD	20.3%	-41.9%	-12.7%	11.0%	25.3%
Thực phẩm	36.5%	-56.6%	3.5%	63.8%	68.9%
Thủy sản	2.4%	35.8%	-24.8%	-8.1%	-22.4%
Logistics	-14.1%	24.4%	0.4%	27.2%	-18.4%
Dược phẩm	25.5%	-3.7%	33.3%	-31.4%	111.0%
Sản xuất & PP Điện	-13.8%	4.7%	-0.7%	41.3%	-20.0%
Đầu tư công	7.6%	-42.1%	-16.8%	28.7%	-16.5%
Hóa chất	6.4%	-1.7%	-10.4%	51.4%	-14.2%
Cao su tự nhiên	-5.1%	106.9%	25.6%	27.2%	-17.3%
Bảo hiểm	114.2%	10.4%	-15.8%	36.4%	-12.6%
Ô tô và phụ tùng	3.2%	-25.9%	-30.2%	6.8%	0.4%
Dịch vụ	-19.5%	-8.3%	1.8%	129.3%	-5.1%
BDS KCN	4.0%	-16.2%	-27.9%	81.4%	-3.4%
Viettel	-4.1%	6.7%	182.6%	61.7%	30.3%
Du lịch	27.1%	-0.2%	-19.6%	16.7%	-36.5%
Công nghệ	-17.1%	2.2%	34.5%	65.3%	-27.7%
Đường	-4.9%	-25.4%	-8.0%	-2.6%	19.7%

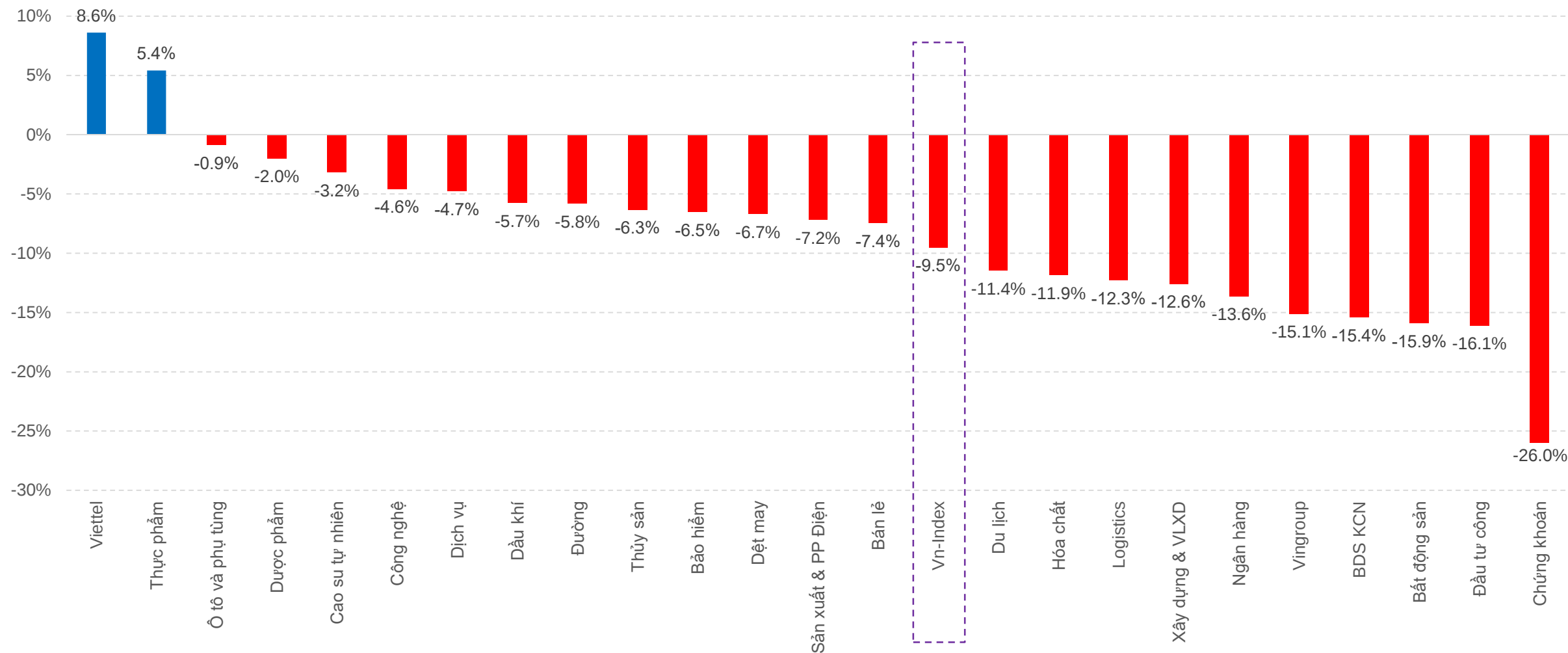
Nguồn: MBS Research

Cơ cấu thanh khoản theo nhóm cổ phiếu (Theo tuần)

	11/07/2025	10/31/2025	10/24/2025	10/17/2025	10/10/2025
Dầu khí	4.6%	2.1%	1.5%	1.9%	2.0%
Ngân hàng	19.4%	19.3%	21.1%	22.3%	25.5%
Chứng khoán	19.5%	18.8%	19.8%	17.9%	22.2%
Bất động sản	13.0%	14.0%	17.6%	18.2%	12.2%
Dệt may	0.4%	0.4%	0.2%	0.2%	0.2%
Bán lẻ	3.7%	3.7%	3.9%	3.1%	4.1%
Vingroup	7.0%	9.9%	7.3%	10.2%	8.6%
Xây dựng & VLXD	6.1%	5.0%	6.1%	6.3%	7.6%
Thực phẩm	5.1%	3.7%	6.0%	5.3%	4.3%
Thủy sản	0.8%	0.7%	0.4%	0.5%	0.7%
Logistics	2.9%	3.3%	1.9%	1.7%	1.8%
Dược phẩm	0.3%	0.2%	0.1%	0.1%	0.2%
Sản xuất & PP Điện	1.0%	1.2%	0.8%	0.7%	0.7%
Đầu tư công	1.9%	1.7%	2.1%	2.3%	2.4%
Hóa chất	2.4%	2.2%	1.6%	1.6%	1.4%
Cao su tự nhiên	0.2%	0.2%	0.1%	0.1%	0.1%
Bảo hiểm	0.4%	0.2%	0.1%	0.1%	0.1%
Ô tô và phụ tùng	0.4%	0.4%	0.4%	0.5%	0.6%
Dịch vụ	2.2%	2.8%	2.1%	1.9%	1.1%
BDS KCN	1.8%	1.7%	1.4%	1.8%	1.3%
Viettel	1.6%	1.6%	1.1%	0.3%	0.3%
Du lịch	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%
Công nghệ	5.3%	6.4%	4.4%	3.0%	2.4%
Đường	0.1%	0.1%	0.1%	0.1%	0.2%

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC

Chỉ số Vn-Index hiện giảm gần -10% so với đỉnh 1.800 điểm hoặc -7,2% theo giá đóng cửa, nhưng một số nhóm cổ phiếu được nhà đầu tư giao dịch nhiều nhưng giảm khá mạnh như: Chứng khoán, Bất động sản, Ngân hàng.



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Mức chiết khấu của nhóm cổ phiếu Ngân hàng so với mức đỉnh 52 tuần (1 năm) và mức đỉnh khi Vn-Index gần ngưỡng 1.800 điểm

STT	MCK	Giá đóng cửa (07/11)	% giảm từ đỉnh 1 năm (52 tuần)	% giảm từ đỉnh (Vn- Index ~1.800)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)
	VNINDEX	1599.10	-10.9	-10.9	-2.5	-5.1	26.2
1	EIB	21.45	-32.2	-21.7	-3.2	-16.4	11.1
2	VPB	27.50	-29.3	-20.6	-4.2	-11.4	47.1
3	NVB	13.60	-29.2	-18.1	-6.9	-8.1	52.8
4	SSB	17.20	-27.7	-11.6	-2.8	-10.4	2.7
5	VIB	18.30	-26.2	-11.2	-1.4	-9.4	10.0
6	VAB	11.00	-26.2	-10.9	-3.1	-5.2	76.7
7	BVB	13.30	-24.9	-9.5	-2.2	-7.0	16.6
8	TPB	16.50	-24.1	-14.1	-0.9	-10.5	11.5
9	KLB	15.20	-22.8	-17.8	-9.0	-6.2	113.2
10	BAB	12.60	-22.7	-8.0	-4.6	-8.7	14.3
11	MSB	12.10	-22.6	-12.3	0.4	-9.7	24.6
12	TCB	33.00	-21.4	-21.4	-6.0	-15.4	37.4
13	SHB	15.30	-21.3	-17.1	-7.0	-11.3	94.2
14	STB	48.35	-21.1	-21.1	-12.9	-17.4	31.0
15	OCB	12.15	-21.1	-11.6	-4.7	-5.8	21.3

STT	MCK	Giá đóng cửa (07/11)	% giảm từ đỉnh 1 năm (52 tuần)	% giảm từ đỉnh (Vn- Index ~1.800)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)
	VNINDEX	1599.1	-10.9	-10.9	-2.5	-5.1	26.2
16	MBB	23.30	-21.02	-16.19	-1.3	-13.2	42.5
17	SGB	12.90	-16.77	-6.52	-3.7	-3.0	2.4
18	NAB	14.40	-16.76	-4.95	1.1	-3.0	12.9
19	BID	37.50	-15.93	-8.63	0.3	-6.4	1.0
20	PGB	12.70	-15.89	-15.89	-3.1	0.7	15.2
21	ACB	24.90	-15.59	-8.46	-2.4	-5.9	15.5
22	VCB	59.30	-15.46	-7.92	-0.5	-6.9	-2.1
23	HDB	30.00	-12.66	-12.66	-6.3	-4.2	17.7
24	CTG	49.00	-12.65	-12.65	0.0	-4.4	30.6
25	VBB	11.60	-12.12	-3.33	-0.9	-0.9	45.6
26	ABB	12.70	-11.19	-9.29	-2.3	0.0	71.6
27	LPB	49.30	-9.87	-9.38	-2.8	-6.3	69.4

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



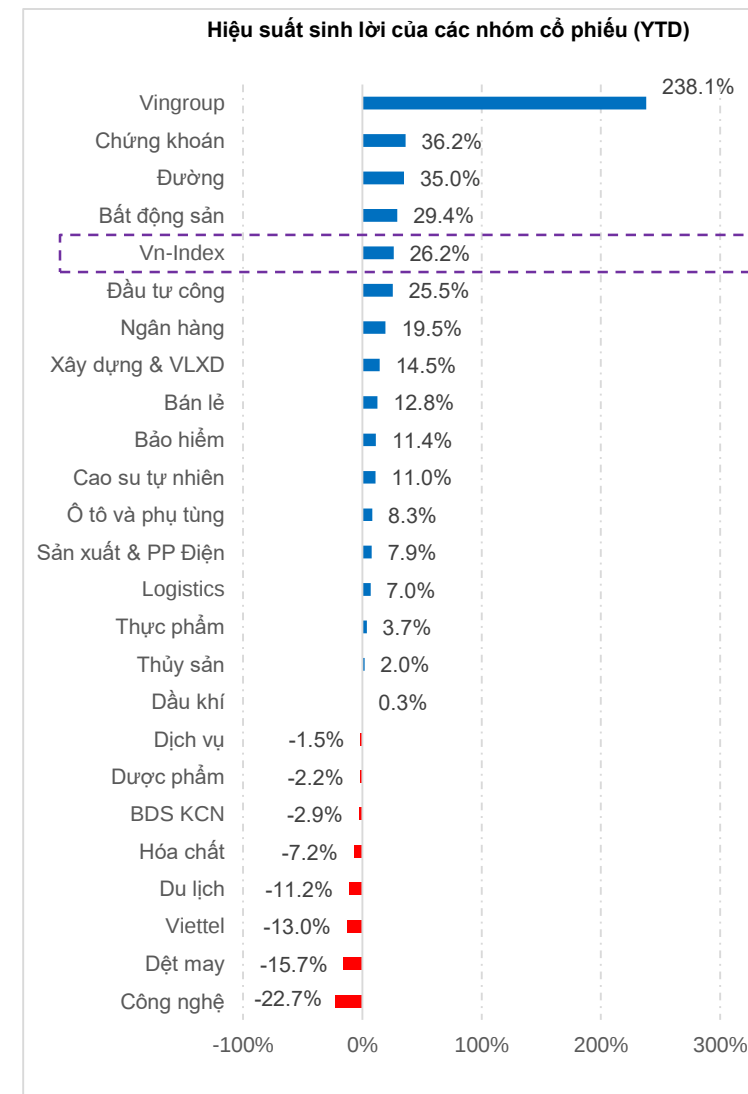
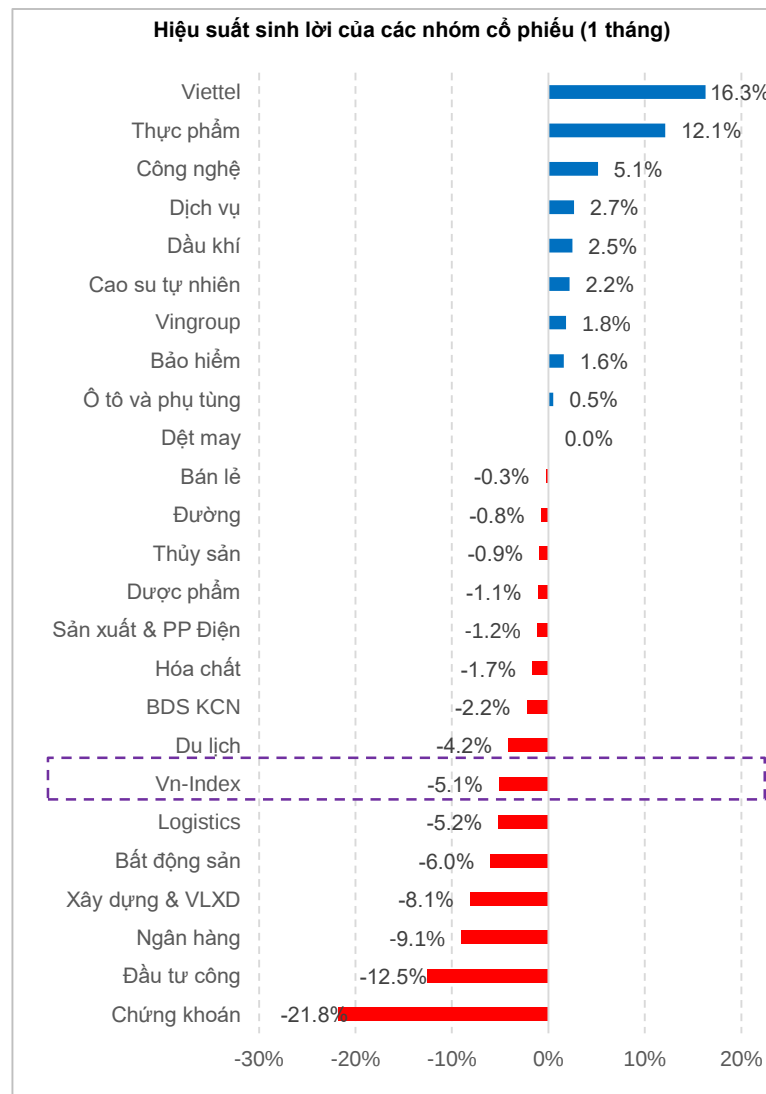
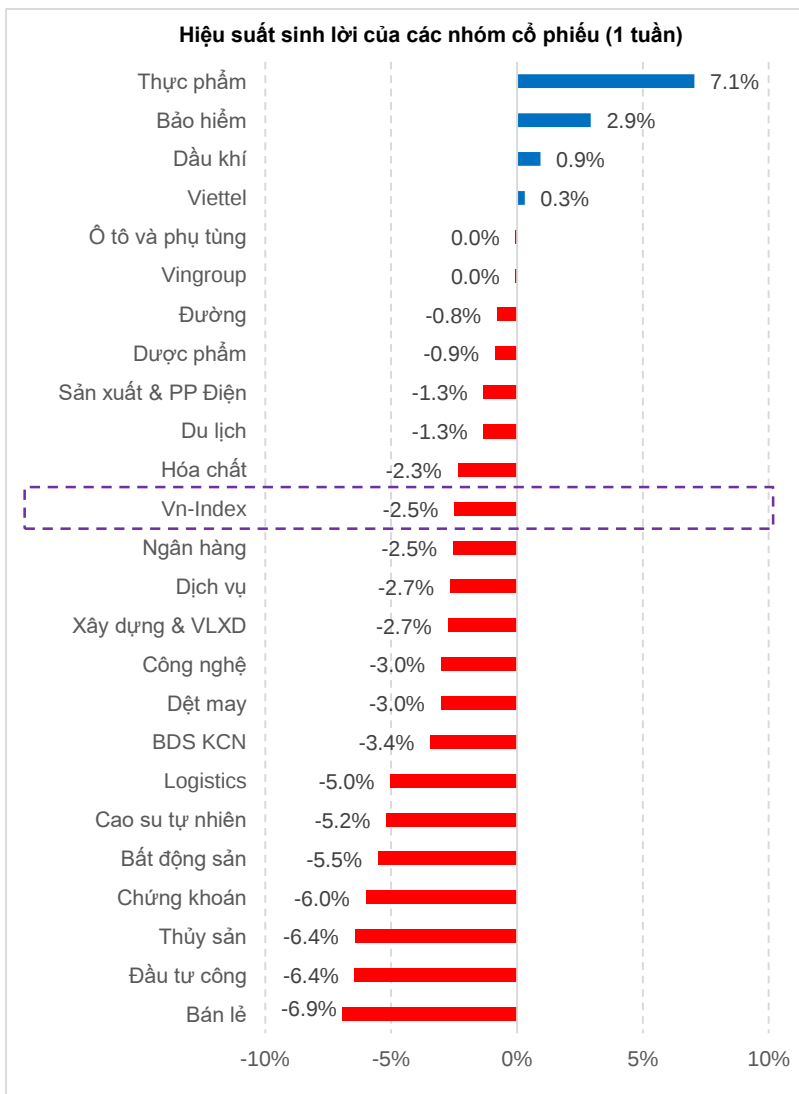
Mức chiết khấu của nhóm cổ phiếu Chứng khoán và BĐS so với mức đỉnh 52 tuần (1 năm) và mức đỉnh khi Vn-Index gần ngưỡng 1.800 điểm

STT	MCK	Giá đóng cửa (07/11)	% giảm từ đỉnh 1 năm (52 tuần)	% giảm từ đỉnh (Vn- Index ~1.800)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)
	VNINDEX	1599.10	-10.9	-10.9	-2.5	-5.1	26.2
1	VIX	24.50	-39.4	-39.4	-12.5	-34.7	161.7
2	MBS	28.50	-31.1	-20.6	-2.1	-18.3	13.7
3	VND	18.90	-30.9	-23.0	-5.7	-20.3	54.7
4	BSI	40.50	-30.5	-13.2	-4.3	-13.1	-8.3
5	FTS	33.20	-29.1	-9.0	-5.1	-8.0	-12.3
6	SHS	21.40	-28.7	-24.1	-7.0	-18.6	97.6
7	HCM	21.90	-28.0	-21.9	-6.0	-20.7	-3.6
8	ABW	10.10	-27.3	-11.4	-1.0	-9.8	20.2
9	VCI	36.00	-27.2	-20.3	-3.0	-17.3	9.2
10	BVS	33.30	-26.0	-12.1	-1.2	-11.4	-10.0
11	AGR	15.45	-25.7	-13.7	-3.7	-13.2	-3.5
12	TCI	10.10	-25.5	-15.1	-2.4	-15.5	13.5
13	CTS	35.10	-25.1	-24.8	-8.4	-16.6	41.5
14	TVS	16.70	-24.3	-10.9	-2.9	-10.2	-7.6
15	SSI	32.95	-23.9	-23.9	-3.9	-19.2	29.7
16	ORS	14.00	-17.7	-14.1	-4.1	-2.4	-0.4
17	APG	11.15	-17.1	-7.1	-2.6	-4.3	67.2

STT	MCK	Giá đóng cửa (07/11)	% giảm từ đỉnh 1 năm (52 tuần)	% giảm từ đỉnh (Vn- Index ~1.800)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)
	VNINDEX	1599.10	-10.9	-10.9	-2.5	-5.1	26.2
1	L14	30.80	-36.5	-17.9	-4.9	-10.2	-14.9
2	NVL	13.00	-32.6	-23.3	-4.8	-15.6	26.8
3	AGG	15.70	-29.0	-16.9	-3.1	-16.5	2.0
4	SJS	60.50	-28.7	-15.2	-3.4	-9.7	111.6
5	CEO	23.80	-27.7	-27.7	-6.3	-2.5	89.1
6	CII	22.80	-27.3	-27.3	-5.2	-9.2	90.6
7	HDC	32.00	-24.4	-24.4	-4.9	-7.8	27.7
8	DXG	18.90	-22.9	-19.6	-6.7	-8.3	48.1
9	PDR	21.15	-22.2	-21.7	-6.2	-7.0	10.4
10	DIG	19.70	-21.5	-21.5	-4.4	-2.5	20.5
11	NTL	17.90	-20.4	-16.7	-2.2	-3.5	-2.5
12	TCH	21.00	-20.0	-20.0	-3.0	-5.0	60.8
13	IJC	12.00	-18.1	-14.6	-1.6	-7.0	5.3
14	NLG	37.65	-17.5	-6.2	-5.3	4.5	13.9
15	TAL	42.00	-17.3	-17.3	-7.9	-12.9	118.7
16	HDG	30.20	-17.0	-17.0	-2.0	-4.1	16.6
17	KDH	32.50	-14.70	-10.84	-9.3	0.8	-0.9

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC

Hiệu suất các nhóm cổ phiếu (1 tuần, 1 tháng và từ đầu năm)



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Hiệu suất của Top 30 cổ phiếu có thanh khoản bình quân 50 phiên lớn nhất thị trường

STT	MCK	Giá đóng cửa (07/11)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)	Thanh khoản bình quân (Tỷ VND)
	VNINDEX	1599.10	-2.5	-5.1	26.2	
1	HPG	26.05	-2.4	-10.2	17.4	1,642
2	SHB	15.30	-7.0	-11.3	94.2	1,638
3	SSI	32.95	-3.9	-19.2	29.7	1,625
4	VIX	24.50	-12.5	-34.7	161.7	1,350
5	VPB	27.50	-4.2	-11.4	47.1	1,105
6	FPT	101.00	-2.8	5.8	-23.2	1,098
7	MSN	76.80	-3.5	-6.9	9.7	856
8	MBB	23.30	-1.3	-13.2	42.5	845
9	GEX	43.95	-0.2	-19.5	150.0	774
10	CII	22.80	-5.2	-9.2	90.6	721
11	TCB	33.00	-6.0	-15.4	37.4	703
12	MWG	76.50	-7.4	-1.9	27.2	674
13	VHM	92.00	-7.3	-10.8	130.0	668
14	VND	18.90	-5.7	-20.3	54.7	662
15	SHS	21.40	-7.0	-18.6	97.6	657

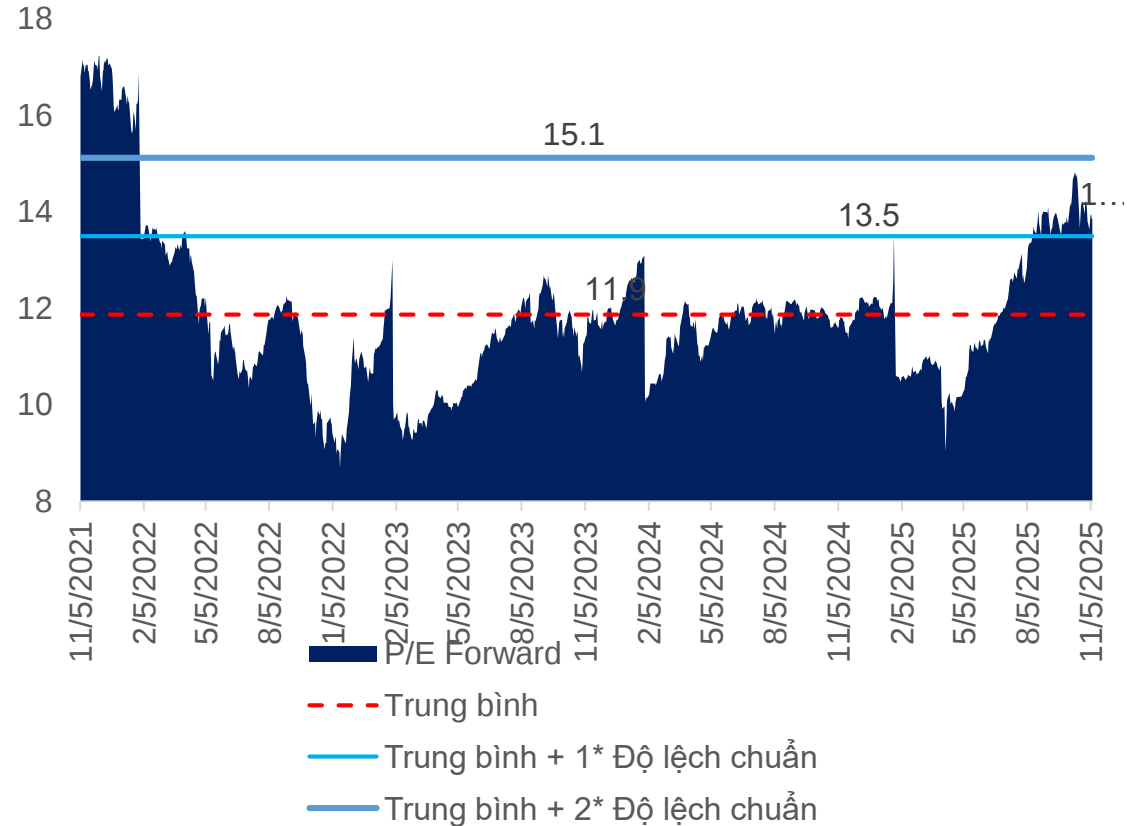
STT	MCK	Giá đóng cửa (07/11)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)	Thanh khoản bình quân (Tỷ VND)
16	VIC	199.70	4.6	10.9	392.5	652
17	CEO	23.80	-6.3	-2.5	89.1	591
18	DXG	18.90	-6.7	-8.3	48.1	571
19	HDB	30.00	-6.3	-4.2	17.7	554
20	PDR	21.15	-6.2	-7.0	10.4	511
21	CTG	49.00	0.0	-4.4	30.6	506
22	DIG	19.70	-4.4	-2.5	20.5	484
23	STB	48.35	-12.9	-17.4	31.0	477
24	VRE	31.35	-5.9	-10.4	82.8	406
25	VCI	36.00	-3.0	-17.3	9.2	405
26	ACB	24.90	-2.4	-5.9	15.5	395
27	VJC	178.00	-4.8	33.4	78.0	372
28	VCB	59.30	-0.5	-6.9	-2.1	366
29	TPB	16.50	-0.9	-10.5	11.5	362
30	VCG	23.45	-10.0	-16.3	44.7	323

Yếu tố mùa vụ ủng hộ phục hồi ngắn hạn, 1.600 điểm là “bệ đỡ” tâm lý, MA100 (1.590–1.600 điểm) là hỗ trợ ngắn hạn. Trong ngắn hạn, hỗ trợ của thị trường ở khu vực MA100 tương ứng vùng 1.590 – 1.600 điểm.



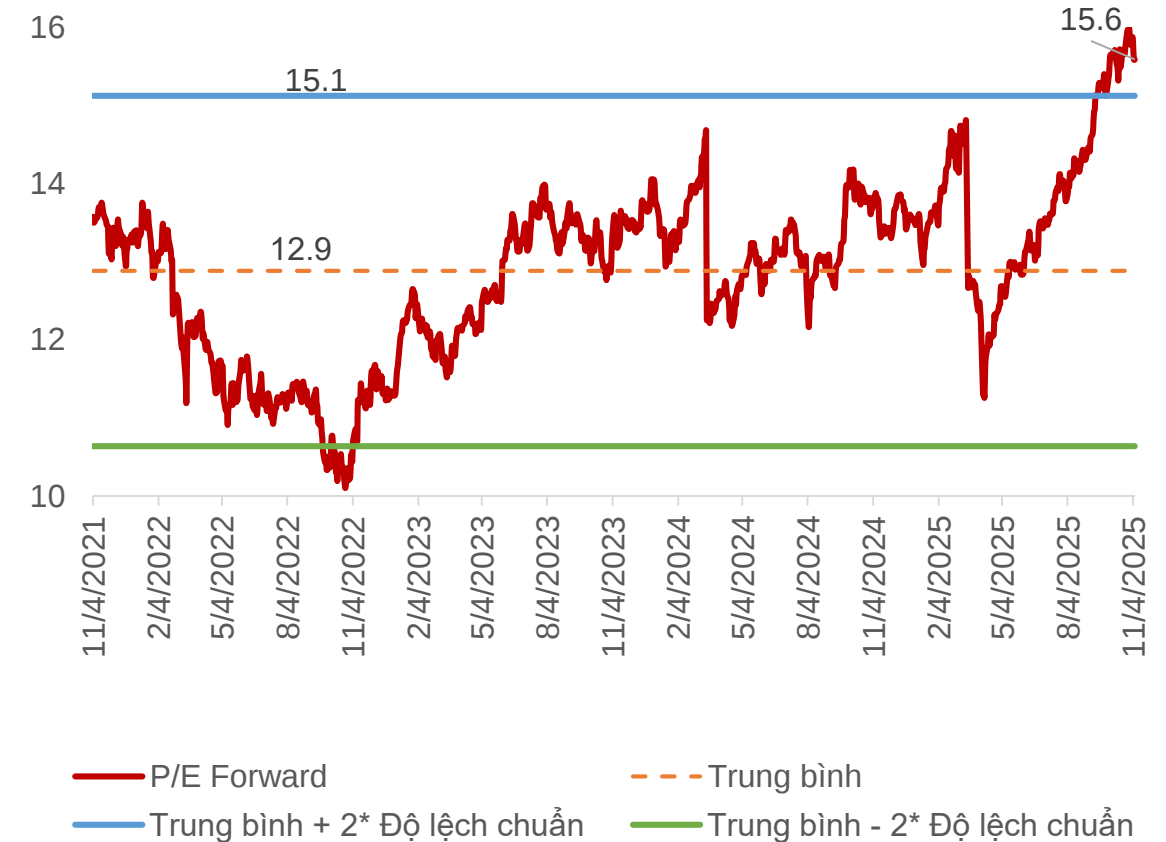
Định giá thị trường: Hệ số P/E dự phóng của thị trường Việt Nam và thị trường mới nổi trong vòng 5 năm qua (ttm, lần)

Hệ số P/E dự phóng (lần) trong vòng 5 năm qua của TTCKVN



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Hệ số P/E dự phóng (lần) trong vòng 5 năm qua của thị trường mới nổi (Emerging)



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC

Nhận định thị trường: Theo yếu tố mùa vụ, tháng 11 là tháng có hiệu suất tốt thứ hai trong năm

	Jan	Feb	Mar	Apr	May	Jun	Jul	Aug	Sep	Oct	Nov	Dec
10 Yr Avg	2.47	1.98	-1.51	.18	1.88	.65	1.29	1.79	-.54	-1.13	2.28	1.19
2025	-.14	3.19	.11	-6.16	8.67	3.26	9.19	11.96	-1.22	-1.33	-2.47	
2024	3.04	7.59	2.50	-5.81	4.32	-1.30	.50	2.59	.32	-1.82	-1.11	1.31
2023	10.34	-7.78	3.90	-1.46	2.48	4.19	9.17	.09	-5.71	-10.91	6.41	3.27
2022	-1.29	.76	.14	-8.40	-5.42	-7.36	.73	6.15	-11.59	-9.20	1.99	-3.94
2021	-4.28	10.59	1.97	4.02	7.15	6.06	-6.99	1.64	.80	7.62	2.37	1.34
2020	-2.54	-5.81	-24.90	16.09	12.40	-4.55	-3.24	10.43	2.67	2.24	8.39	10.05
2019	2.03	6.02	1.58	-.11	-2.02	-1.04	4.39	-.77	1.27	.23	-2.81	-1.01
2018	12.81	1.01	4.72	-10.58	-7.52	-1.08	-.46	3.47	2.79	-10.06	1.29	-3.67
2017	4.87	1.94	1.62	-.63	2.80	5.24	.91	-.10	2.77	4.08	13.45	3.61
2016	-5.83	2.59	.33	6.62	3.35	2.23	3.16	3.43	1.65	-1.45	-1.59	-.03
2015	5.58	2.86	-6.99	2.04	1.27	4.12	4.72	-9.07	-.37	7.95	-5.63	1.02

Nguồn: Bloomberg, MBS Research

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) với tên gọi tiền thân là Công ty CP chứng khoán Thăng Long, Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 6 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, liên tục đứng trong Top 10 thị phần tại cả hai Sở Giao dịch (Hồ Chí Minh và Hà Nội).

Địa chỉ:

Tòa nhà MB, 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: + 8424 7304 5688 - Fax: +8424 3726 2601

Website: www.mbs.com.vn

KHỐI NGHIÊN CỨU CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB

Giám đốc Khối Nghiên cứu

Trần Thị Khánh Hiền

Trưởng phòng

Nguyễn Tiến Dũng

Vĩ mô & Chiến lược thị trường

Ngô Quốc Hưng

Nghiêm Phú Cường

Đinh Hà Anh

Võ Đức Anh

Ngân hàng – Dịch vụ Tài chính

Đinh Công Luyện

Bất động sản

Nguyễn Minh Đức

Lê Hải Thành

Dịch vụ - Tiêu dùng

Nguyễn Quỳnh Ly

Công nghiệp – Năng Lượng

Phạm Thị Thanh Huyền

Nguyễn Hà Đức Tùng